

Số: 2439/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch cải cách hệ thống thuế đến năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2438/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hệ thống thuế đến năm 2025.

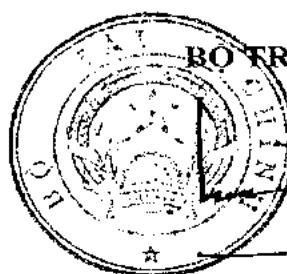
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế;
- Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT; TCT (VT, CC).

24



Hồ Đức Phớc

KẾ HOẠCH**CÁI CÁCH HỆ THỐNG THUẾ ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 2439/QĐ-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài chính)

A. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách thuế gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế; bảo đảm tỷ trọng thu nội địa, tỷ trọng giữa thuế gián thu và thuế trực thu ở mức hợp lý, khai thác tốt thuế, phí và lệ phí thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong pháp luật thuế và chính sách miễn, giảm, bảo đảm tính trung lập của thuế, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy cạnh tranh, điều tiết thu nhập hợp lý, phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế.

Xây dựng ngành Thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, chuyên sâu, chuyên nghiệp theo phương pháp quản lý rủi ro, đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp; đồng thời trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và ba trụ cột cơ bản: thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.

B. MỤC TIÊU CỤ THỂ**I. Về cải cách chính sách thuế**

Hệ thống chính sách thuế của Việt Nam đến năm 2025 bao gồm các sắc thuế, phí, lệ phí chủ yếu sau đây: Thuế giá trị gia tăng; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân; Thuế tài nguyên; Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Thuế bảo vệ môi trường; Các khoản phí, lệ phí và thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

Về quy mô thu ngân sách từ thuế, phí, bảo đảm duy trì tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước từ thuế, phí ở mức ổn định, hợp lý và phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 05 năm 2021-2025; trong giai đoạn đầu tập

trung hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khắc phục khó khăn, phục hồi sản xuất, kinh doanh do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19.

Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân không thấp hơn 16% GDP, trong đó, tỷ lệ huy động từ thuế, phí khoảng 13 - 14% GDP; tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu ngân sách nhà nước phấn đấu đến năm 2025 đạt khoảng 85 - 86%.

II. Về cải cách quản lý thuế

Hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý thuế, phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định pháp luật Việt Nam, trọng tâm là thể chế quản lý thuế, nguồn nhân lực và công nghệ thông tin, cụ thể: thể chế quản lý thuế đồng bộ, công khai, minh bạch, công bằng, áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế, tạo điều kiện thuận lợi để người nộp thuế tuân thủ tự nguyện, cơ quan thuế có đủ năng lực quản lý thuế hiệu quả, hiệu lực; đội ngũ công chức thuế chuyên nghiệp, chuyên sâu, liêm chính; hệ thống công nghệ thông tin tích hợp, tập trung, đáp ứng yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin cho quản lý thuế, công tác chỉ đạo điều hành của cơ quan thuế và cung cấp dịch vụ điện tử, dịch vụ số cho người nộp thuế.

C. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2025

I. Về chính sách thuế

1. Nhiệm vụ cụ thể

Hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính sách thuế của Việt Nam phù hợp với các tiêu chuẩn của hệ thống thuế tốt theo thông lệ quốc tế, đồng thời đáp ứng yêu cầu về nguồn lực để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; trong giai đoạn đầu tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khắc phục khó khăn, phục hồi sản xuất, kinh doanh do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19.

2. Nội dung

a) Đối với thuế giá trị gia tăng: mở rộng cơ sở thuế thông qua giảm nhóm hàng hóa dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%; tiến tới cơ bản áp dụng một mức thuế suất; nghiên cứu tăng thuế suất thuế giá trị gia tăng theo lộ trình; rà soát điều chỉnh ngưỡng doanh thu áp dụng phương pháp khấu trừ cho phù hợp với thực tế; nghiên cứu áp dụng thống nhất phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với người nộp thuế có doanh thu dưới ngưỡng hoặc không đủ điều kiện áp dụng phương pháp khấu trừ; hoàn thiện các quy định liên quan đến thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, đảm bảo phản ánh đúng bản chất và phù hợp thông lệ quốc tế.

b) Đối với thuế tiêu thụ đặc biệt: rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; xây dựng lộ trình điều

chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát điều chỉnh mức thuế tiêu thụ đặc biệt một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030; nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

c) Đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: tiếp tục thu gọn số lượng mức thuế suất để đơn giản hóa thuế nhập khẩu, phấn đấu đến năm 2025 số lượng mức thuế suất thuế nhập khẩu giảm từ 32 mức hiện nay xuống còn khoảng 25 mức. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để thúc đẩy xuất khẩu, khuyến khích giá tăng giá trị nội địa, hạn chế xuất khẩu tài nguyên, khoáng sản thô; có chính sách ưu đãi phù hợp để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ và các lĩnh vực ưu tiên, đảm bảo phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ và các cam kết quốc tế. Nghiên cứu sửa đổi các quy định về hàng hóa xuất khẩu tại chỗ, nhập khẩu tại chỗ và các quy định liên quan đến khu phi thuế quan, đảm bảo đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan, hạn chế gian lận thương mại, trốn thuế.

d) Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp: rà soát để sửa đổi hoặc bãi bỏ ưu đãi miễn, giảm thuế không còn phù hợp với yêu cầu phát triển, yêu cầu hội nhập quốc tế; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội với chính sách miễn thuế, giảm thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế để áp dụng ổn định trong trung và dài hạn; thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, đồng thời, chuyển trọng điểm chính sách thu hút đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng, khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong đầu tư vào những ngành, nghề mũi nhọn và những địa bàn cần khuyến khích đầu tư. Mở rộng cơ sở thuế phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và thông lệ quốc tế; thực hiện các tiêu chuẩn phòng, chống chuyển giá, chống xói mòn nguồn thu theo thông lệ quốc tế.

e) Đối với thuế thu nhập cá nhân: rà soát bổ sung đối tượng chịu thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng điều chỉnh số lượng và các mức thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế phù hợp với bản chất của từng loại thu nhập, tạo điều kiện đơn giản trong quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho cá nhân nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về miễn thuế, giảm thuế phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn và thông lệ quốc tế.

g) Đối với thuế tài nguyên: nghiên cứu sửa đổi quy định về giá tính thuế tài nguyên, sản lượng tài nguyên tính thuế; sửa đổi khung thuế, mức thuế và miễn thuế, giảm thuế tài nguyên theo hướng minh bạch, rõ ràng, đảm bảo chính sách thuế tài nguyên tiếp tục là công cụ hữu hiệu để góp phần quản lý, bảo vệ tài nguyên, khuyến khích sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, khuyến khích chế biến sâu, nâng cao giá trị tài nguyên.

h) Đối với các loại thuế liên quan đến tài sản (bao gồm cả thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp): tiếp tục thực hiện miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết năm 2025 để góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tổng kết, đánh giá tổng thể tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thuế sử dụng đất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu hoàn thiện theo hướng tăng mức điều tiết đối với đất và bổ sung thu thuế đối với nhà nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả, góp phần hạn chế đầu cơ nhà, đất, đảm bảo động viên nguồn thu hợp lý, ổn định cho ngân sách nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam và thông lệ quốc tế. Đồng thời, xây dựng chính sách thuế theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ xác định rõ đối tượng chịu thuế tài sản, số thuế phải nộp, đồng bộ với quy định của pháp luật về đất đai và quy định của pháp luật có liên quan.

i) Đối với thuế bảo vệ môi trường: nghiên cứu mở rộng đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường; nghiên cứu để điều chỉnh khung và mức thuế bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo chính sách thuế bảo vệ môi trường là một công cụ kinh tế quan trọng góp phần hạn chế việc nhập khẩu, sản xuất và sử dụng hàng hóa gây ô nhiễm môi trường.

k) Đối với phí và lệ phí và thu khác thuộc ngân sách nhà nước: rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật phí và lệ phí theo hướng khai thác hiệu quả nguồn thu phí, lệ phí từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường; thực hiện lộ trình tăng mức thu phí nhằm từng bước tính đủ chi phí trong mức thu phí; đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi từ phí sang thực hiện giá dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích thúc đẩy xã hội hóa cung cấp dịch vụ công; tăng cường thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, giải phóng nguồn lực của xã hội và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; đồng thời đảm bảo phù hợp với chủ trương tổ chức, sắp xếp lại bộ máy cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

Nghiên cứu xây dựng khoản thu hoặc thuế đối với các hoạt động, hình thức kinh doanh mới phù hợp với thực tế phát triển, đảm bảo quyền thu thuế, đánh thuế của Việt Nam phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn và theo thông lệ quốc tế. Rà soát, hoàn thiện chính sách về thu khác thuộc ngân sách nhà nước bảo đảm phù hợp với thực tế và đồng bộ với pháp luật chuyên ngành.

3. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục I.

II. Về quản lý thuế

Công tác cải cách các lĩnh vực quản lý thuế đến năm 2025 được thực hiện theo các nhiệm vụ cụ thể, nội dung và lộ trình cụ thể như sau:

1. Về thể chế quản lý thuế

1.1. Nhiệm vụ cụ thể

Thể chế quản lý thuế được hoàn thiện để đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm giảm chi phí tuân thủ pháp luật thuế của người dân và doanh nghiệp; đồng thời tạo cơ sở pháp lý để xây dựng cơ quan thuế Việt Nam hiện đại, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả, liêm chính và đủ năng lực để thực hiện và quản lý tốt các mục tiêu và nội dung cải cách hệ thống thuế đã đề ra.

Mục tiêu cụ thể: 100% Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được bổ sung hoặc ban hành mới đúng kế hoạch.

1.2. Nội dung

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý thuế nhằm nâng cao năng lực quản lý thuế, phù hợp với yêu cầu chính phủ điện tử, đồng thời thúc đẩy sự tuân thủ tự nguyện trên cơ sở phân loại mức độ tuân thủ pháp luật và mức độ rủi ro của người nộp thuế:

- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, trong đó: đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế và thực hiện các giao dịch trong lĩnh vực thuế trên môi trường điện tử phù hợp với thông lệ quốc tế; vai trò chủ động của cơ quan thuế trong việc xử lý thu hồi nợ thuế¹, thủ tục rút gọn nhằm tự động xoá nợ/thu hồi các khoản nợ nhỏ, tiếp tục nghiên cứu xây dựng các quy định về khoanh nợ/xóa nợ đối với các khoản nợ của người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước; mô hình tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả.

- Xây dựng, triển khai chương trình nâng cao tuân thủ tổng thể và các kế hoạch cải thiện tuân thủ hàng năm chi tiết cho các chức năng chính kèm theo các tiêu chí đánh giá hoạt động hàng năm, đảm bảo xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật thuế, tạo sự công bằng, minh bạch trong áp dụng các biện pháp quản lý thuế.

- Hoàn thiện các quy định nhằm áp dụng quản lý rủi ro xuyên suốt có hệ thống trong tất cả các nghiệp vụ quản lý thuế.

- Hoàn thiện pháp luật về chống chuyển giá nhằm ngăn ngừa, hạn chế các hành vi chuyển giá mới, chống xói mòn nguồn thu.

- Hoàn thiện thể chế quản lý thuế đảm bảo quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh từ nền kinh tế số, kinh tế chia sẻ, sản xuất thông minh, giao dịch xuyên biên giới.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thực hiện hỗ trợ và cung cấp dịch vụ đầy đủ thông tin cho người nộp thuế theo quy

¹ Được quyền áp dụng các phương pháp thu nợ khác nhau phù hợp với đặc điểm của khoản nợ thuế.

định của pháp luật thông qua các dịch vụ thuế điện tử với chất lượng tốt và mức chi phí phù hợp theo từng nhóm người nộp thuế, đáp ứng các tiêu chuẩn theo thông lệ quốc tế.

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về đại lý thuế và các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn thuế theo hướng đây mạnh xã hội hóa công tác dịch vụ, hỗ trợ người nộp thuế nhằm nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế thông qua việc tăng cường số lượng và chất lượng hoạt động của dịch vụ đại lý thuế.

- Xây dựng Thông tư hướng dẫn kê toán nghiệp vụ thuế và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về biện pháp thực hiện thống kê nhà nước về thuế và quy định về Hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê thuế, bảng phân loại thống kê, điều tra thống kê.

- Hoàn thiện thể chế về thu thập dữ liệu tự động trong nội bộ cơ quan thuế và với các bên thứ ba có liên quan (loại dữ liệu, định dạng, bảo mật và an toàn thông tin, chế độ báo cáo, phân quyền...) nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế đầy đủ, chính xác, tập trung thống nhất trên phạm vi toàn quốc, đảm bảo thông tin phục vụ cho quản lý rủi ro, dự toán thu thuế và một số nghiệp vụ đặc thù như việc hoàn thuế, phân tích giá chuyển nhượng, thương mại điện tử.

- Tái thiết kế quy trình quản lý thuế nhằm đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, hiệu quả, đồng bộ với thời gian có hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

1.3. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục I.

2. Về công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

2.1. Nhiệm vụ cụ thể

Tuyên truyền đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật thuế, thông tin quản lý thuế đến người nộp thuế và tổ chức, cá nhân khác; ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác hỗ trợ người nộp thuế để giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính thuế, đồng thời nâng cao mức độ tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế; khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức kinh doanh dịch vụ về thuế phát triển:

- 100% các văn bản quy phạm pháp luật thuế mới được tuyên truyền, phổ biến trên Trang thông tin điện tử ngành Thuế và các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định.

- Tỷ lệ số lượt hỗ trợ người nộp thuế qua hình thức điện tử đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ số lượt hỗ trợ đúng hạn trên số lượt đề nghị hỗ trợ đạt tối thiểu 70%.

- Mức độ hài lòng của người nộp thuế về giải quyết thủ tục hành chính thuế đạt tối thiểu 90%.

- Mức độ hài lòng của người nộp thuế đối với sự phục vụ của cơ quan thuế đạt tối thiểu 90%.

- Tối thiểu 70% đại lý thuế hoạt động thường xuyên, cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế.

2.2. Nội dung

- Thực hiện các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuế phù hợp với từng nhóm người nộp thuế trên cơ sở kết quả đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế.

- Vận hành hiệu quả Trang thông tin điện tử ngành Thuế. Mở rộng phạm vi triển khai cơ chế giải quyết thủ tục hành chính thuế một cửa, một cửa liên thông theo phương thức điện tử. Cung cấp dịch vụ giải đáp, tra cứu thông tin theo phương thức điện tử cho người nộp thuế; duy trì các hình thức khác để hỗ trợ người nộp thuế đối với các địa bàn, nhóm người nộp thuế có hạn chế về sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin. Ứng dụng công nghệ thông tin để đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính thuế theo phương thức giao dịch điện tử mức độ 3, 4.

- Xây dựng các chương trình hỗ trợ người nộp thuế phù hợp với nhu cầu tìm hiểu, cung cấp thông tin theo nhóm người nộp thuế.

- Khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người nộp thuế đối với các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế do cơ quan thuế cung cấp.

- Hoàn thiện quy trình tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế nhằm bao quát toàn bộ các loại hình tuyên truyền, hỗ trợ; theo dõi, đánh giá kết quả tuyên truyền, hỗ trợ qua ứng dụng công nghệ thông tin.

- Hoàn thiện các quy định và ứng dụng về quản lý hành nghề đại lý thuế; cung cấp dịch vụ thúc đẩy mạng lưới đại lý thuế phát triển; tăng cường đào tạo, phổ biến chính sách thuế cho đại lý thuế; xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ của đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế.

2.3. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục II.

3. Về đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế và kê toán thuế

3.1. Nhiệm vụ cụ thể

Tiếp tục triển khai các giải pháp đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế về đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn giảm thuế theo hướng chuẩn hóa mẫu biểu hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết cho người nộp thuế; duy trì và mở rộng các hình thức giao dịch điện tử trong tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính thuế từ mức độ 3 trở lên đối với doanh nghiệp và tổ chức; tập trung hỗ trợ người nộp thuế là cá nhân sử dụng các hình thức giao dịch điện tử phù hợp... nhằm tạo thuận lợi hơn nữa và giảm chi phí tuân thủ của người nộp thuế.

Thực hiện trao đổi thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước bằng phương thức điện tử để thực hiện quản lý thuế hiệu quả; Tự động hóa tối đa và đưa quản lý rủi ro vào các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế trong nội bộ cơ quan thuế với hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, cơ sở dữ liệu tập trung, liên kết giữa các chức năng quản lý thuế.

Thực hiện thống nhất chế độ kê toán thuế, thống kê thuế trong toàn ngành Thuế theo nguyên tắc tập trung, phản ánh kịp thời, chính xác thông tin thuế của người nộp thuế để phục vụ công tác quản lý thuế và công bố niêm yết thông kê thuế.

a) Đăng ký thuế:

- Tỷ lệ hồ sơ đăng ký thuế được cơ quan thuế giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ nhận được đạt tối thiểu 80%.

b) Khai thuế:

- Tỷ lệ khai thuế điện tử của người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế đạt tối thiểu 85%; của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai sử dụng hóa đơn điện tử đạt tối thiểu 85%.

- Tỷ lệ tờ khai đã nộp đúng hạn của doanh nghiệp đạt tối thiểu 98%, của cá nhân đạt tối thiểu 85%.

c) Nộp thuế:

- Tỷ lệ người nộp thuế nộp thuế bằng phương thức điện tử so với số người nộp thuế đang hoạt động là: đối với doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai sử dụng hóa đơn điện tử đạt tối thiểu 85%.

- Số tiền thuế nộp bằng phương thức điện tử đạt tối thiểu 85% tổng số tiền thu ngân sách nhà nước.

d) Hoàn thuế:

- Tỷ lệ hoàn thuế bằng phương thức điện tử của người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; của người nộp thuế là cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp quyết toán thuế đạt tối thiểu 85%.

- Tỷ lệ hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế được cơ quan thuế giải quyết và trả kết quả đúng hạn đạt tối thiểu 98%.

e) Miễn thuế, giảm thuế:

- Tỷ lệ miễn thuế, giảm thuế bằng phương thức điện tử của người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức đạt tối thiểu 98%; của người nộp thuế là cá nhân đạt 85%.

- Tỷ lệ hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của người nộp thuế được cơ quan thuế giải quyết và trả kết quả đúng hạn đạt tối thiểu 98%.

g) Kê toán thuế, thống kê thuế:

- Cung cấp thông tin về quản lý nghĩa vụ thuế của người nộp thuế cho doanh nghiệp, tổ chức bằng phương thức điện tử đạt tối thiểu 98%; cá nhân đạt tỷ lệ tối thiểu 85%.

- Chúng từ kê toán thuế được xử lý tự động và hạch toán ngay trong ngày làm việc đạt tối thiểu 98%.

- Báo cáo kê toán thuế, thống kê thuế thực hiện tự động trên hệ thống ứng dụng và cơ sở dữ liệu về quản lý thuế đạt tỷ lệ 100%.

- Thực hiện công bố thông tin thông kê thuế định kỳ hàng năm dưới dạng bản in và/hoặc điện tử.

- Công bố niêm yết thông kê thuế.

3.2. Nội dung

a) Về công tác đăng ký thuế: rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách về đăng ký thuế theo hướng cải cách đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người nộp thuế; rà soát, cắt giảm thành phần hồ sơ đăng ký thuế đảm bảo rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế bằng điện tử liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước, kết nối hoặc trao đổi thông tin về giấy phép thành lập và hoạt động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, rút ngắn thời gian giải quyết cho người nộp thuế.

b) Về công tác khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế: rà soát, sửa đổi và thiết kế hồ sơ khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế theo hướng cải cách đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người nộp thuế; rà soát, cắt giảm thành phần hồ sơ khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế đảm bảo rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục khai thuế điện tử liên thông đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo nộp thuế theo hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường điều các thông tin có sẵn giúp giảm tối đa chi phí tuân thủ của người nộp thuế và giảm chi phí quản lý của cơ quan thuế; đẩy mạnh triển khai dịch vụ thuế điện tử, áp dụng hoá đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đến toàn bộ người nộp thuế trong đó duy trì, tiếp tục hỗ trợ thuận lợi dịch vụ khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, sử dụng hoá đơn điện tử đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, mở rộng phạm vi triển khai khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, sử dụng hoá đơn điện tử đối với cá nhân. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế quản lý khai thuế đối với nền kinh tế số. Triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và các giải pháp nhằm quản lý việc thanh toán khoản đã nộp với khoản phải nộp của người nộp thuế theo định danh các khoản phải nộp; Tăng cường kết nối, thu thập thông tin từ các cơ quan quản lý và các bên thứ ba để hỗ trợ người nộp thuế lập tờ khai đầy đủ, chính xác; xây dựng cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, tăng cường hiệu quả công tác quản lý và hoàn thuế giá trị gia tăng; áp dụng quản lý rủi ro trong công tác khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế.

c) Về miễn thuế, giảm thuế: thực hiện các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian giải quyết miễn thuế, giảm thuế và triển khai tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả miễn thuế, giảm thuế cho người nộp thuế bằng phương thức điện tử. Sử dụng cơ sở dữ liệu thuế tập trung, dữ liệu từ bên thứ ba và dữ liệu từ cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông làm cơ sở, căn cứ để tính, ban hành quyết định miễn thuế, giảm thuế; áp dụng quản lý rủi ro trong giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế.

d) Về kê toán thuế: chế độ kê toán thuế tập trung được thực hiện tự động bởi ứng dụng kê toán thuế tích hợp với các ứng dụng quản lý thuế để thu thập thông tin kê toán từ các nghiệp vụ quản lý thuế và tự động hạch toán số phải thu, đã thu, miễn, giảm, khoanh nợ, xóa nợ, phải hoàn, đã hoàn của từng người nộp thuế, từng cơ quan thuế theo ngày. Xây dựng quy trình kê toán thuế theo quy định của pháp luật về kê toán, pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về ngân sách và đảm bảo theo chuẩn hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin mới triển khai; cung cấp thông tin về tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế của người nộp thuế cho các bộ phận chức năng trong cơ quan thuế để thực hiện quản lý thuế.

e) Về thống kê thuế: sử dụng phương pháp thống kê thuế hiện đại trên nền tảng cơ sở dữ liệu quản lý thuế và thông tin điều tra thống kê với bộ chỉ tiêu thống kê thuế nhằm đo lường kết quả quản lý thuế và quản lý thu ngân sách nhà nước phù hợp với các bộ chỉ số của quốc tế; ứng dụng công nghệ thông tin để phân tích dữ liệu, dự báo phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, công tác xây dựng chính sách thuế, dự báo thu ngân sách nhà nước, đánh giá sức khỏe doanh nghiệp và sức khỏe của nền kinh tế qua các chỉ tiêu về thuế do ngành Thuế quản lý. Hoàn thiện cơ chế hợp tác trao đổi thông tin thuế với cơ quan tổ chức quốc tế trong khuôn khổ thỏa thuận cam kết hợp tác song phương, đa phương.

3.3. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục III.

4. Về công tác thanh tra, kiểm tra người nộp thuế

4.1. Nhiệm vụ cụ thể

Nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, kiểm tra tiếp cận với các thông lệ quốc tế tốt thông qua việc: đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế phù hợp với định hướng xây dựng Chính phủ điện tử; tăng cường áp dụng quản lý rủi ro trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế như là một biện pháp hiệu quả để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về thuế và giảm khiếu nại sau thanh tra, kiểm tra thuế.

- Tỷ lệ tờ khai thuế các sắc thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân của doanh nghiệp được kiểm tra tự động qua phần mềm ứng dụng có sử dụng bộ tiêu chí chấm điểm rủi ro của cơ quan thuế đạt 100%.

- Tỷ lệ người nộp thuế được lựa chọn để xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo rủi ro hàng năm bằng phần mềm ứng dụng quản lý rủi ro của cơ quan thuế đạt 90%.

- Tỷ lệ số cuộc thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thực hiện trong năm có số xử lý so với số cuộc thanh tra kiểm tra đã thực hiện trong năm đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ khiếu nại sau thanh tra, kiểm tra thuế không quá 5%.

4.2. Nội dung

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra thuế theo hướng áp dụng quản lý rủi ro trong các khâu thanh tra, kiểm tra thuế trên cơ sở kết quả đánh giá tuân thủ người nộp thuế và phân loại rủi ro người nộp thuế.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra nhằm tự động hóa một số bước công việc thanh tra, kiểm tra dựa trên nền tảng quản lý thuế điện tử và kết nối dữ liệu tự động với bên thứ ba.

- Tăng cường đổi mới loại hình, phương pháp và kỹ thuật thanh tra, kiểm tra thuế theo rủi ro phù hợp với đặc điểm của từng nhóm người nộp thuế về quy mô, lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về thuế, giảm khiếu nại sau thanh tra, kiểm tra thuế.

4.3. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục IV.

5. Về đổi mới và tăng cường năng lực công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và tố tụng về thuế

5.1. Nhiệm vụ cụ thể

Hiệu quả, hiệu lực công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tố tụng về thuế, được nâng cao, phù hợp với quy định pháp luật và sát với thực tiễn của ngành. Thủ tục, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, tố tụng về thuế được hoàn thiện theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch và tạo thuận lợi hơn nữa cho người nộp thuế. Công tác kiểm soát nội ngành được tăng cường, đảm bảo nghiêm minh trong thực thi pháp luật thuế và kỷ cương kỷ luật của ngành, ngăn chặn những hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của công chức thuế đối với người nộp thuế.

Đổi mới và nâng cao năng lực hoạt động pháp chế, tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra xử lý văn bản về thuế; nâng cao năng lực của công chức thuế khi tham gia công tác giám định tư pháp về thuế, tham gia các thủ tục tố tụng hành chính, tố tụng hình sự trong các vụ việc, vụ án có liên quan đến thuế.

- Đảm bảo 100% đơn giải quyết khiếu nại đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Thời gian trung bình giải quyết các vụ khiếu nại về thuế: phấn đấu giảm 5% số ngày theo quy định của Luật Khiếu nại.

- 100% văn bản quy phạm pháp luật do Tổng cục Thuế chủ trì soạn thảo được kiểm tra; 80% văn bản hành chính hướng dẫn chính sách, chế độ, xử lý các vướng mắc liên quan đến chính sách, chế độ hoặc hướng dẫn nghiệp

vụ do Tổng cục Thuế ban hành hoặc trình Bộ Tài chính ban hành được kiểm tra; 60% văn bản hành chính giải thích, chế độ, xử lý các vướng mắc liên quan đến chính sách, chế độ hoặc hướng dẫn nghiệp vụ do Cục Thuế, Chi cục Thuế ban hành được kiểm tra.

5.2. Nội dung

- Xây dựng và hoàn thiện quy chế, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, tố tụng về thuế phù hợp với thực tiễn công tác quản lý thuế và khi có những cải cách, thay đổi về chủ trương, chính sách thuế. Xây dựng, triển khai thực hiện Quy chế tham vấn đối với công tác giải quyết khiếu nại về thuế tiến tới nghiên cứu xử lý theo cơ chế tài phán.

- Nâng cao tính hiệu quả và hiệu lực trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế. Áp dụng quản lý rủi ro trong việc xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm. Tăng cường công tác phối hợp giữa cơ quan thuế với các ngành chức năng, đơn vị liên quan trong và ngoài ngành để xác minh và xử lý có hiệu quả các vụ việc.

- Xây dựng, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế gồm: tiếp nhận đơn khiếu nại bằng phương thức điện tử tại cơ quan thuế các cấp; kiểm tra nội bộ đối với nghiệp vụ quản lý thuế chủ yếu (công tác thanh tra, kiểm tra thuế; công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; công tác hoàn thuế,...); công khai các bước giải quyết khiếu nại trên cổng thông tin điện tử ngành Thuế.

- Đổi mới và nâng cao năng lực hoạt động pháp chế, tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra xử lý văn bản về thuế. Nâng cao hiệu quả công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thông qua việc rà soát, sửa đổi đề nghị sửa đổi bổ sung những điểm bất cập trong hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để đảm bảo tính thống nhất, có tính khả thi cao trong thực tiễn; nâng cao năng lực, trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế. Nâng cao năng lực của cán bộ công chức thuế khi tham gia công tác giám định tư pháp về thuế, tham gia các thủ tục tố tụng hành chính, tố tụng hình sự trong các vụ việc, vụ án có liên quan đến thuế.

- Triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng trong ngành Thuế; tăng cường công tác kiểm soát nội ngành; tiếp thu các ý kiến phản hồi của các bên có liên quan để xây dựng chiến lược và đề xuất các giải pháp phòng chống tham nhũng trong toàn ngành Thuế; phát triển đội ngũ công chức làm công tác kiểm tra công vụ để bảo vệ nội bộ và xây dựng nội bộ ngành Thuế vững mạnh.

5.3. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục V.

6. Về công tác thu nợ và cưỡng chế nợ thuế

6.1. Nhiệm vụ cụ thể

Thu hồi nợ thuế đúng, đủ, kịp thời, giảm nợ đọng thuế và chống thất thu ngân sách nhà nước. Chất lượng công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế được nâng cao theo hướng: đơn giản hóa các thủ tục quản lý nợ và cưỡng chế thu nợ, giảm thiểu thời gian xử lý công việc, giảm nợ đọng thuế; áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

- Tỷ lệ tổng tiền thuế nợ đến thời điểm 31/12 hàng năm so với số thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước thu được trong năm không vượt quá 8% (trong đó phần đầu tỷ lệ nợ đọng về thuế, phí dưới 5% tổng số thu ngân sách nhà nước).

- Tỷ lệ thu nợ đạt tối thiểu 80% nợ có khả năng thu thời điểm 31/12 năm trước chuyển sang.

6.2. Nội dung

- Hoàn thiện thể chế và quy trình quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đáp ứng những thay đổi của kinh tế - xã hội, phù hợp với thông lệ quốc tế và Luật Quản lý thuế. Xây dựng, ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành phục vụ công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

- Nghiên cứu áp dụng các phương pháp thu nợ khác nhau tùy theo tính chất của khoản nợ, tình hình thực tế của người nộp thuế; phân tích sâu về nợ thuế nhằm xác định các khoản nợ có thể và không thể thu hồi (theo tuổi nợ, loại nợ, địa bàn và mức độ phức tạp).

- Áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế thông qua việc nghiên cứu, áp dụng phương pháp dự báo số nợ thuế và dự báo ảnh hưởng của sự thay đổi các nhân tố bên ngoài (kinh tế hay lập pháp) tới số thuế nợ của người nộp thuế. Xây dựng và áp dụng các biện pháp theo dõi, xử lý số nợ thuế của nhóm người nộp thuế lớn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

6.3. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục VI.

7. Về công tác quản lý thuế quốc tế

7.1. Nhiệm vụ cụ thể

Năng lực quản lý thuế quốc tế được nâng cao thông qua việc xây dựng chiến lược đàm phán hiệp định tránh đánh thuế hai lần phù hợp với tình hình mới, đối tác mới và các quy trình áp dụng Hiệp định thuế, trao đổi thông tin, thủ tục thoả thuận song phương. Các quy định và biện pháp quản lý thuế quốc tế mới về thanh tra giá chuyển nhượng, thanh tra kiểm tra hoạt động thương mại điện tử và chống trốn thuế, tránh thuế được ban hành. Phương pháp quản lý rủi ro trong công tác quản lý thuế quốc tế được áp dụng. Các chương trình hợp tác về quản lý thuế quốc tế với cơ quan thuế các nước và các tổ chức quốc tế trong khu vực và trên thế giới được thực hiện.

- Đảm bảo 100% số lượng yêu cầu trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài và ngược lại được xử lý.

- Số lượng yêu cầu cơ quan thuế nước ngoài trao đổi thông tin tăng 20%-30% hàng năm.

- Tỷ lệ 1% thanh tra giá chuyển nhượng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có phát sinh giao dịch liên kết hàng năm.

7.2. Nội dung

- Xây dựng chiến lược đàm phán hiệp định tránh đánh thuế hai lần phù hợp với tình hình mới, đối tác mới và các quy trình áp dụng Hiệp định thuế, trao đổi thông tin, thủ tục thỏa thuận song phương phù hợp với thực tiễn quản lý thuế. Xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế và sổ tay phục vụ trong công tác quản lý thuế quốc tế.

- Ban hành các quy định và biện pháp quản lý thuế quốc tế mới về thanh tra giá chuyển nhượng và chống trốn thuế, tránh thuế để thích ứng với tốc độ phát triển và sự thay đổi nhanh chóng của mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia, thanh tra kiểm tra và chống gian lận thuế quốc tế đối với hoạt động thương mại điện tử và dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới.

- Áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong công tác quản lý thuế quốc tế thông qua việc xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu về người nộp thuế nước ngoài được thu thập, trao đổi qua các cơ chế trao đổi thông tin; xây dựng phương pháp khai thác, đánh giá, phân loại các dữ liệu theo loại thu nhập, ngành nghề, nước/vùng lãnh thổ, theo loại hình giao dịch,... theo hướng hiện đại hóa, tích hợp cao và áp dụng kỹ thuật phân tích rủi ro tiên tiến; thực hiện thanh tra giá chuyển nhượng, thanh tra kiểm tra hoạt động thương mại điện tử và chống trốn thuế, tránh thuế, kiểm tra giám sát hỗ trợ việc áp dụng Hiệp định thuế, thủ tục thỏa thuận song phương (MAP), trao đổi thông tin.

- Thực hiện các chương trình hợp tác về quản lý thuế quốc tế với cơ quan thuế các nước và các tổ chức quốc tế trong khu vực và trên thế giới nhằm trao đổi thông tin, kinh nghiệm và hỗ trợ kỹ thuật trong công tác cải cách thuế quốc tế.

7.3. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục VII.

8. Về tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực

8.1. Nhiệm vụ cụ thể

Tổ chức bộ máy cơ quan thuế có đủ quyền hạn và năng lực thực thi pháp luật thuế theo mô hình kết hợp quản lý thuế theo chức năng với quản lý thuế theo đối tượng, phù hợp với việc áp dụng thuế điện tử và phương pháp quản lý rủi ro trong cơ quan thuế theo hướng tự động hóa; bộ máy của hệ thống cơ quan thuế hiện đại, tinh gọn từ cấp Trung ương đến địa phương phù hợp với yêu cầu quản lý thuế tập trung để nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế.

Đội ngũ công chức, viên chức ngành Thuế chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới, có đủ trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định với cơ cấu hợp lý; trong đó nguồn nhân lực có chất lượng cao, có đội ngũ chuyên gia cao cấp với trình độ kinh nghiệm chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

a) Về tổ chức bộ máy

Tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp được hoàn thiện theo mô hình quản lý thuế theo chức năng kết hợp với quản lý thuế theo đối tượng theo hướng hiện đại, tinh gọn từ cấp Trung ương đến địa phương phù hợp với yêu cầu quản lý thuế tập trung.

b) Về nguồn nhân lực

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực phù hợp yêu cầu quản lý thuế hiện đại theo hướng tập trung nguồn lực cho bộ phận trực tiếp quản lý thuế đạt tối thiểu 60% trên tổng số công chức, trong đó tỷ lệ công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên tổng số công chức đạt tối thiểu 30%.

- Đảm bảo 100% công chức công tác tại các chức năng quản lý thuế chính phải tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản hoặc chuyên sâu của chức năng quản lý tương ứng. Trong đó, tỷ lệ công chức đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính được bồi dưỡng chuyên sâu kiến thức, kỹ năng quản lý thuế đạt 20-30%. Đồng thời, 30% công chức đang làm việc tại các chức năng quản lý thuế chính phải tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của ít nhất 01 chức năng quản lý thuế khác.

- Đảm bảo 60% công chức thuế làm việc tại một số vị trí công tác đặc thù (công tác pháp chế trong đó tập trung công tác tham mưu tố tụng về thuế, công tác giám định, công tác kiểm tra nội bộ, công tác quản lý rủi ro) được bồi dưỡng cơ bản kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ đang công tác và các kiến thức hỗ trợ có liên quan.

- Đảm bảo 100% công chức, viên chức thuế được cập nhật chính sách mới liên quan đến lĩnh vực chuyên môn đang công tác ít nhất 1 lần/1 năm.

- Phấn đấu 40% công chức, viên chức ở cơ quan Tổng cục Thuế (tập trung vào công chức, viên chức lãnh đạo quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi) tại các vị trí việc làm cần sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 hoặc tương đương trở lên và có ngoại ngữ chuyên ngành đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm; 20% công chức ở cơ quan thuế địa phương đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 hoặc tương đương trở lên theo quy định hoặc có ngoại ngữ chuyên ngành đáp ứng được yêu cầu công việc.

8.2. Nội dung

a) Tổ chức bộ máy

- Triển khai mô hình quản lý được thực hiện đồng bộ với việc đổi mới phân cấp quản lý thuế giữa cơ quan thuế các cấp và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan thuế các cấp và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với yêu cầu quản lý thuế hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

- Kiện toàn bộ phận quản lý thuế doanh nghiệp lớn với đầy đủ các chức năng quản lý theo thông lệ quốc tế, trong đó chú trọng xây dựng và triển khai các biện pháp quản lý thuế mới trên cơ sở đầy mạnh áp dụng công nghệ thông tin và áp dụng quản lý rủi ro tuân thủ đối với doanh nghiệp lớn.

- Kiện toàn bộ phận kiểm tra nội bộ để đảm bảo tính độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ để đảm bảo việc kiểm tra công vụ giữ vững kỷ cương, kỷ luật, thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng trên toàn hệ thống thuế.

- Kiện toàn bộ phận thanh tra kiểm tra thuế nhằm nâng cao vai trò chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ của bộ phận Thanh tra Tổng cục đối với công tác thanh tra, kiểm tra thuế trong toàn ngành.

- Kiện toàn bộ phận quản trị chiến lược và quản lý rủi ro về thuế thuộc Tổng cục Thuế nhằm nâng cao thẩm quyền, địa vị pháp lý và năng lực nguồn nhân lực để triển khai sâu, rộng, toàn diện, tập trung có hiệu quả công tác quản trị chiến lược và quản lý rủi ro, đáp ứng kịp thời yêu cầu cải cách, phát triển, hiện đại hóa ngành Thuế và nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế.

- Tiếp tục kiện toàn bộ phận quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh và cá nhân tại cơ quan thuế các cấp theo mô hình quản lý theo chức năng kết hợp với quản lý theo đối tượng để thực hiện nghiên cứu đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh và cá nhân.

- Nghiên cứu thành lập bộ phận xây dựng, thu thập, xử lý thông tin tích hợp người nộp thuế tại Tổng cục Thuế để xác định thông tin người nộp thuế cần thu thập trong và ngoài ngành Thuế, thiết lập cơ chế thu thập và xử lý thông tin tự động phục vụ cho việc khai thác dữ liệu người nộp thuế trong toàn ngành Thuế.

- Kiện toàn bộ phận quản lý kê khai kê toán thuế, thống kê thuế phù hợp với định hướng phát triển của ngành Thuế trên nền tảng công nghệ thông tin; triển khai thực hiện có hiệu quả chế độ kê toán thuế nội địa trong toàn ngành Thuế.

- Nghiên cứu kiện toàn hoạt động Trường Nghiệp vụ Thuế để nâng cao năng lực đào tạo nguồn nhân lực ngành Thuế.

- Nghiên cứu để có cơ sở đề xuất bổ sung nội dung cơ quan thuế được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra vào Bộ Luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự và Luật Quản lý thuế.

b) Nguồn nhân lực

- Triển khai công tác tuyển dụng công chức hàng năm theo phương thức mới nhằm kịp thời bổ sung biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, đảm bảo nguồn nhân lực cho cơ quan thuế các cấp.

- Rà soát việc hoạch định cơ cấu nguồn nhân lực nhằm xác định các thay đổi về nhân sự cần thiết (xác định số lượng nhân sự và xây dựng các tiêu chuẩn, kỹ năng cần thiết cho từng chức năng quản lý thuế) nhằm hỗ trợ các quy trình nghiệp vụ mới và triển khai các dịch vụ điện tử cũng như việc quản lý rủi ro theo hướng tự động hóa đảm bảo hiệu quả, phù hợp với nhiệm vụ quản lý thuế và thông lệ quốc tế.

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực cơ quan thuế các cấp theo hướng: đảm bảo giám dân tỷ trọng công chức làm ở các bộ phận gián tiếp để tăng cường nguồn nhân lực cho những chức năng quản lý thuế chính, đặc biệt là chức năng thanh tra thuế, kiểm tra thuế; tái thiết kế lại nguồn nhân lực cho bộ phận quản lý thuế doanh nghiệp lớn, bộ phận kê khai, bộ phận quản lý rủi ro đảm bảo yêu cầu quản lý thuế theo chức năng, phù hợp với thông lệ quốc tế; tăng cường công tác luân phiên, luân chuyển, tinh giản biên chế; đẩy mạnh phân cấp quản lý công chức.

- Xây dựng hệ thống chương trình, tài liệu bồi dưỡng cơ bản, chuyên sâu phù hợp yêu cầu bồi dưỡng theo vị trí công việc, ngành, lĩnh vực quản lý cho công chức làm việc tại 4 chức năng quản lý thuế chính; xây dựng hệ thống chương trình, tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực cho công chức thuế ở các lĩnh vực cải cách chính như quản lý rủi ro, thanh tra kiểm tra, quản lý thuế quốc tế... về các kỹ năng mới, kỹ năng quản lý chuyên môn hóa nhằm quản lý có hiệu quả các ngành nghề/lĩnh vực mới phát sinh, các vấn đề thuế quốc tế, kinh tế số... đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại, hiệu quả.

- Xây dựng, phát triển, quản lý và sử dụng đội ngũ giảng viên kiêm chức ngành Thuế cùng đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Nghiệp vụ Thuế đáp ứng yêu cầu đào tạo bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng quản lý thuế cho công chức ngành Thuế; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác tổ chức thi và kiểm tra đánh giá chất lượng; từng bước xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo pháp luật thuế cho cộng đồng doanh nghiệp và xã hội.

8.3. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục VIII.

9. Về hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế

9.1. Nhiệm vụ cụ thể

Hệ thống công nghệ thông tin tích hợp, tập trung, đáp ứng yêu cầu khai thác sử dụng thông tin số của Chính phủ, người dân, doanh nghiệp và các tổ chức, công tác chỉ đạo điều hành của cơ quan thuế và cung cấp dịch vụ điện tử, dịch vụ số cho người nộp thuế. Cơ sở dữ liệu ngành Thuế chính xác, đầy đủ, kịp thời, hỗ trợ hiệu quả cho quản lý rủi ro, tiến tới cơ chế tự động kiểm tra chéo một cách có hệ thống các thông tin từ bên thứ ba nhằm phát hiện các nội dung tiềm ẩn rủi ro dẫn tới sai lệch trong hồ sơ khai thuế. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại, đồng bộ, đảm bảo vận hành liên tục, hiệu quả, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu.

- 100% người nộp thuế được cấp định danh và xác thực điện tử để sử dụng dịch vụ thuế điện tử do ngành Thuế cung cấp.
- 90% thủ tục hành chính thuế được thực hiện theo hình thức giao dịch điện tử mức độ 3, 4; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 được kết nối, chia sẻ với Công dịch vụ công quốc gia.
- 100% nhu cầu thu thập, xử lý, lưu trữ, khai thác dữ liệu có thể tin học hóa cho công tác quản lý thuế và chỉ đạo điều hành của cơ quan thuế được ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng tích hợp, tập trung.
- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan thuế được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan thuế.
- 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng.
- 100% hệ thống báo cáo định kỳ được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia theo lộ trình chung của Bộ Tài chính, Chính phủ.
- 100% hồ sơ công chúc, viên chức được lưu trữ, quản lý dưới dạng hồ sơ điện tử.
- 100% công chức, viên chức được cấp tài khoản để sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin bao gồm: tài khoản người dùng, thư điện tử, tài khoản trao đổi thông tin trực tuyến.
- 100% nhu cầu kết nối trao đổi thông tin giữa các đơn vị, bộ ngành, tổ chức liên quan được ứng dụng công nghệ thông tin theo lộ trình triển khai các văn bản thỏa thuận, hợp tác giữa các bên.
- 90% hệ thống máy chủ được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây.
- 90% ứng dụng cốt lõi (bao gồm ứng dụng Dịch vụ Thuế điện tử, ứng dụng Quản lý thuế tích hợp, các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực thuế tích hợp với dịch vụ công quốc gia...) đảm bảo độ sẵn sàng hoạt động tại Trung tâm dữ liệu dự phòng thảm họa (DRC) khi có sự cố phát sinh.
- 90% hệ thống công nghệ thông tin được vận hành, theo dõi, giám sát tập

trung.

- 100% công chức có chức năng, nhiệm vụ phải xử lý công việc ngoài trụ sở cơ quan thuế có thể truy cập hệ thống làm việc từ xa.

- 100% hệ thống công nghệ thông tin của ngành Thuế được đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp.

- 90% hệ thống thông tin được phê duyệt mức độ an toàn hệ thống thông tin.

- 100% thông tin về khai thuế, nộp thuế điện tử được xử lý trong 24 giờ.

- 100% số tiền nộp thuế điện tử được hạch toán theo thời gian thực nộp.

- 100% người nộp thuế được cấp tài khoản tra cứu nghĩa vụ thuế và nộp thuế điện tử trên nền tảng thiết bị di động thông minh.

9.2. Nội dung

a) Xây dựng và phát triển ứng dụng thông tin phục vụ công tác quản lý thuế

- Duy trì, nâng cấp, mở rộng các phần mềm ứng dụng quản lý thuế đáp ứng các yêu cầu sửa đổi, bổ sung chính sách, nghiệp vụ thuế và thay đổi về yêu cầu kỹ thuật theo từng năm.

- Xây dựng phần mềm Quản lý thuế tích hợp, tập trung đáp ứng tái thiết kế quy trình nghiệp vụ trên nền tảng kiến trúc hiện đại, ứng dụng công nghệ mới về trí tuệ nhân tạo, vạn vật kết nối, dữ liệu lớn: hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận, xử lý tự động các quy trình quản lý thuế đối với mọi sắc thuế bao gồm đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, xử lý chứng từ nộp thuế, miễn giảm, hoàn thuế, quản lý nợ, xoá nợ, cưỡng chế nợ thuế, thanh tra kiểm tra thuế, khiếu nại tố cáo... và đáp ứng chế độ kê toán thuế nội địa; hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện các quy trình quản lý thuế đặc thù như quản lý thuế đất, quản lý thuế phi nông nghiệp, quản lý cá nhân kinh doanh, quản lý lệ phí trước bạ nhà đất, quản lý hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới...

- Xây dựng và triển khai phần mềm ứng dụng quản lý hóa đơn điện tử tại cơ quan thuế đáp ứng yêu cầu về chính sách quản lý hóa đơn; mở rộng xây dựng hệ thống Cổng kết nối tiếp nhận dữ liệu hóa đơn điện tử trong trường hợp người bán đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền; cung cấp các chức năng hỗ trợ cơ quan thuế trong công tác điều tra, đối chiếu doanh thu, xác định số thuế phải nộp của các tổ chức/cá nhân kinh doanh.

- Phát triển hệ thống ứng dụng phân tích dữ liệu và quản lý rủi ro đáp ứng yêu cầu quản lý thuế theo phương pháp ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế, hỗ trợ công tác quản lý thuế: xây dựng và triển khai phần mềm Quản lý rủi ro trên nền ứng dụng phân tích dữ liệu lớn và máy học hoặc áp dụng trí tuệ nhân tạo (Big Data analytics và Machine Learning/Artificial Intelligent); triển khai dịch vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu (trên nền ứng dụng API Gateway, Service/Data Service...).

- Xây dựng kho cơ sở dữ liệu quốc gia về thuế trên nền tảng tích hợp và nền tảng dữ liệu lớn (Big Data và Data lake) để cung cấp thông tin đầy đủ cho việc chỉ đạo điều hành, kết nối trao đổi thông tin phục vụ công tác quản lý thuế và quản lý tuân thủ, bao gồm thông tin, dữ liệu quản lý thuế từ các hệ thống tác nghiệp của ngành Thuế, thông tin tài khoản, giao dịch từ các ngân hàng thương mại, thông tin liên quan trong nước, ngoài nước, thông tin chính thức từ các cơ quan quản lý thuế, cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài, thông tin từ các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế.

b) Xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nộp thuế

- Tiếp tục duy trì, mở rộng các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực thuế đáp ứng quy định của Luật Quản lý thuế và các quy định sửa đổi, bổ sung chính sách, quy trình quản lý thuế và tích hợp với Công dịch vụ công quốc gia.

- Phát triển, nâng cấp kiến trúc hệ thống Công thông tin điện tử ngành Thuế để cung cấp các dịch vụ thuế điện tử cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ thuế một cách nhanh chóng, thuận lợi với nhiều trải nghiệm tốt hơn như bổ sung các tiện ích hỗ trợ người nộp thuế tra cứu các thông tin; bổ sung các kênh hỗ trợ nộp thuế thông qua các đơn vị trung gian thanh toán, sử dụng QR code...; cung cấp nhiều kênh hỗ trợ người nộp thuế trên các nền tảng khác nhau (như điện thoại thông minh, chatbot...); bổ sung các chức năng về đồng bộ, kiểm tra, đối chiếu thông tin, chia sẻ thông tin từ các Bộ, ngành và các đơn vị bên ngoài để tăng cường cung cấp dịch vụ thông minh hỗ trợ người nộp thuế và làm giàu cơ sở dữ liệu người nộp thuế.

- Xây dựng hệ thống một cửa điện tử tích hợp cung cấp cho người nộp thuế đầy đủ các thông tin về chính sách thuế, quy định pháp luật thuế có liên quan và hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước; tích hợp các khoản thuế, phí; tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt giúp tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới người nộp thuế; triển khai các kênh tương tác trực tuyến để doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật và ban hành quyết định của cơ quan thuế, mở rộng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế qua mạng xã hội; cung cấp các giao diện lập trình ứng dụng (API) để có thể tích hợp với các hệ thống dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan khác một cách dễ dàng.

c) Xây dựng các nền tảng tích hợp, nền tảng dữ liệu lớn để cung cấp thông tin đầy đủ cho việc chỉ đạo điều hành, kết nối trao đổi thông tin phục vụ công tác quản lý thuế và quản lý tuân thủ

- Thu thập thông tin, dữ liệu quản lý thuế từ các hệ thống tác nghiệp của ngành Thuế, thông tin tài khoản, giao dịch từ các ngân hàng thương mại, thông tin liên quan trong nước, ngoài nước, thông tin chính thức từ các cơ quan quản lý thuế, cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài, thông tin từ các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế để hoàn thiện Kho cơ

sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý thuế và hỗ trợ người nộp thuế.

- Ứng dụng các thành tựu mới về công nghệ nhằm xử lý tự động các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế và phân tích dữ liệu lớn phục vụ công tác chỉ đạo điều hành trong dự báo, công tác hoạch định chính sách, xây dựng dự toán và đôn đốc thu, quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ trong các lĩnh vực quản lý thuế như tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, đăng ký thuế, kê khai, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế, thanh tra, kiểm tra thuế, điều tra thuế...

- Xây dựng hệ thống phần mềm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung và trao đổi thông tin với các đơn vị bên ngoài nhằm tập trung, chuẩn hóa, xử lý, lưu trữ dữ liệu dưới dạng điện tử, ứng dụng các công nghệ mới trong việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế, công chức thuế và các đối tác ngành Thuế bao gồm: hệ thống chia sẻ dữ liệu của ngành Thuế cho phép người dân, doanh nghiệp và người dùng tại các Bộ ngành, địa phương sử dụng để khai thác dữ liệu theo nhu cầu phù hợp với các quy định hiện hành; hệ thống kết nối trao đổi dữ liệu từ các Bộ, ngành, ngân hàng, các cơ quan quốc tế và các tổ chức liên quan khác để cung cấp thông tin nghiệp vụ quản lý cho công chức thuế; xây dựng, quản lý Trung tâm dịch vụ tích hợp dữ liệu thông minh của ngành Thuế đảm bảo đáp ứng quản lý dịch vụ và chia sẻ dữ liệu phù hợp với các quy định về an toàn an ninh thông tin.

d) Xây dựng và phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý nội ngành

- Duy trì, nâng cấp, mở rộng các phần mềm ứng dụng quản lý nội ngành đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ mới và các thay đổi về kỹ thuật, công nghệ nhằm hỗ trợ công tác quản lý thuế.

- Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý văn phòng điện tử đáp ứng quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, chuẩn hóa biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số, định danh số giữa các cơ quan nhà nước; thực hiện số hoá hồ sơ và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính; lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của cơ quan thuế; kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa cơ quan thuế với các cơ quan nhà nước thông qua trực văn bản quốc gia theo định hướng phát triển văn phòng không giấy tờ.

- Xây dựng hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử của cơ quan thuế nhằm cung cấp các dịch vụ khai thác, tra cứu và tạo lập các dữ liệu điện tử dùng chung trong các dịch vụ khai thác dữ liệu của cơ quan thuế.

e) Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng dùng chung của các hệ thống công nghệ thông tin, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ kết nối, xử lý tại địa phương và trang thiết bị cá nhân để đảm bảo hoạt động liên tục, ổn định đáp ứng yêu cầu cung cấp các dịch vụ thuế điện tử cho người nộp thuế và phục vụ công tác quản lý thuế trong giai đoạn mới.

- Trang bị thiết bị công nghệ thông tin dành cho công chức thuế đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa môi trường làm việc của ngành Thuế. Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa cho cơ quan thuế. Trang bị các hệ thống tăng cường môi trường cộng tác làm việc cho công chức thuế: hệ thống hội thảo trực tuyến (Video Conference), hệ thống chia sẻ dữ liệu, hệ thống thư điện tử, hệ thống đào tạo trực tuyến (Online training), điện thoại số... Các hệ thống cộng tác được trang bị theo hướng cung cấp phần mềm như một dịch vụ (Software as a Service).

- Triển khai mở rộng kênh truyền kết nối với các đơn vị bên ngoài, các tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trong lĩnh vực thuế (TVAN), phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu ngành Thuế. Nghiên cứu, triển khai ứng dụng các công nghệ mạng (5G/6G) trong việc cung cấp các dịch vụ trên nền tảng ứng dụng di động. Nâng cấp, mở rộng băng thông kết nối Internet đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của cán bộ công chức, đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công qua mạng Internet, tăng cường khả năng sẵn sàng và làm kinh dự phòng cho các kết nối chia sẻ dữ liệu, cung cấp dịch vụ cho các bên thứ ba.

- Chuyển đổi và triển khai hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin ngành Thuế hoạt động trên nền điện toán đám mây theo hướng cung cấp dịch vụ mức độ nền tảng. Phát triển hạ tầng internet vạn vật (IoT) và các công nghệ số mới trong xây dựng các ứng dụng, dịch vụ phục vụ công tác quản lý thuế.

- Triển khai Trung tâm dữ liệu chính và Trung tâm dữ liệu dự phòng của ngành Thuế theo hướng cung cấp hạ tầng trung tâm dữ liệu như một dịch vụ. Chuyển dịch theo hướng ảo hóa hạ tầng trung tâm dữ liệu (Software Define DataCenter), kết hợp giữa các trung tâm dữ liệu (DataCenter) hiện có của Tổng cục Thuế với các trung tâm dữ liệu trên nền tảng Cloud để tăng tính dự phòng, linh hoạt và hiệu quả. Hướng tới triển khai trung tâm dữ liệu dự phòng thứ ba trên nền tảng Cloud.

g) Về hệ thống an toàn thông tin

- Duy trì hệ thống an toàn thông tin phục vụ triển khai các ứng dụng hiện có của ngành Thuế. Nâng cấp hệ thống, triển khai các giải pháp an toàn thông tin thông minh có ứng dụng công nghệ mới. Thay thế các thiết bị an toàn bảo mật (Firewall, Proxy...) để tăng cường an toàn thông tin tại các Cục Thuế, Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực.

- Xây dựng hệ thống an toàn thông tin theo hướng bảo vệ dữ liệu nhà nước và bảo vệ dữ liệu của người dùng thông qua sử dụng định danh số để bảo đảm xác định đúng người truy cập dữ liệu.

- Hoàn thành triển khai bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp tại Tổng cục Thuế: nâng cấp hệ thống giám sát thông tin (SOC) lên hệ thống điều phối an ninh, tự động hóa xử lý sự cố và phản hồi (Security Orchestration, Automation, and Response-SOAR) kết hợp với các giải pháp giám sát thông minh phục vụ việc quản lý các sự cố, phản hồi lại sự cố, tự động hóa các hoạt động; giám sát 24/7 an toàn thông tin mạng cho các hệ thống quan trọng của Tổng cục Thuế,

kiểm tra đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho các hệ thống thông tin.

h) Tăng cường chất lượng quản trị, vận hành, hỗ trợ

- Hoàn thiện các hệ thống giám sát công nghệ thông tin tập trung toàn ngành Thuế đối với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng cung cấp dịch vụ; áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại (AI, chatbot...) nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị, vận hành, hỗ trợ hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ nhanh chóng, hiệu quả.

- Thực hiện rà soát, đánh giá, tinh chỉnh và tối ưu hóa hệ thống, bảo hành mở rộng, bảo trì/bảo dưỡng công nghệ thông tin, nâng cấp phiên bản hệ thống hạ tầng, triển khai mạng nội bộ (LAN), hệ thống an toàn phòng máy chủ.

- Triển khai hệ thống hỗ trợ tập trung người nộp thuế và công chức thuế về sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin. Liên kết hệ thống hỗ trợ công nghệ thông tin với hỗ trợ chuyên sâu về nghiệp vụ trong ứng dụng công nghệ thông tin.

9.3. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại phụ lục IX.

10. Các nội dung khác

10.1. Nội dung

- Triển khai thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế gắn với nhiệm vụ thu ngân sách, gắn với vị trí công việc đảm bảo phục vụ công cuộc cải cách hiện đại hóa ngành Thuế và đảm bảo thu nhập của công chức thuế. Hiện đại hóa công sở thuế, tạo môi trường làm việc đồng bộ, chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo điều kiện làm việc thuận lợi, lâu dài cho công chức ngành Thuế, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại và phục vụ tốt nhu cầu của người đến giao dịch về thuế.

- Nghiên cứu, triển khai xây dựng, từng bước áp dụng các phương pháp phân tích, dự báo thu ngân sách nhà nước thông qua việc sử dụng một số mô hình dự báo thu đối với một số sắc thuế lớn để phục vụ công tác đánh giá tác động chính sách thuế, phục vụ công tác hoạch định chính sách thu và đánh giá tính tuân thủ của người nộp thuế. Hoàn thiện quy trình dự báo thu phù hợp với tiến trình cải cách hiện đại hóa phương pháp dự báo thu và các quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Ngân sách nhà nước và các pháp luật về thu ngân sách hiện hành.

10.2. Lộ trình thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục X và XI.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo về triển khai thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, do Lãnh đạo Bộ Tài chính làm Trưởng ban, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế làm Phó trưởng ban thường trực và giao Tổng cục Thuế là thường trực Ban Chỉ đạo.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo về triển khai thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 các cấp, do thủ trưởng các cơ quan thuế trực tiếp chỉ đạo:

- Ở Cơ quan Tổng cục Thuế: thành lập Ban Chỉ đạo do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế làm Trưởng ban và một số Lãnh đạo Tổng cục, Thủ trưởng các Cục, Vụ, đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế làm thành viên. Thành lập các Tiểu ban để triển khai từng chương trình cụ thể.
- Ở Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: thành lập Ban Chỉ đạo do Cục trưởng Cục Thuế làm Trưởng ban.

Ban Chỉ đạo các cấp có nhiệm vụ chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược theo đúng nội dung và lộ trình đã được đề ra; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động hàng năm; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch một cách thống nhất từ trung ương đến địa phương

3. Tổng cục Thuế chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hệ thống thuế đến năm 2025; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động hàng năm theo lộ trình đã đề ra; điều phối các hoạt động để thực hiện tốt kế hoạch; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch; định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp tình hình báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Các Vụ, Cục và đơn vị liên quan thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Tổng cục Thuế trong việc xây dựng kế hoạch hàng năm, bố trí nguồn kinh phí và tổ chức thực hiện theo các nội dung, giải pháp và lộ trình đã được phê duyệt đạt hiệu quả cao theo mục tiêu chiến lược.

5. Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hệ thống thuế đến năm 2025 được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công./. Linh

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục I

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁI CÁCH THẾ CHẾ THUẾ ĐẾN NĂM 2025

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Về chính sách thuế			
1	Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)			
1.1	Tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng	2022-2023	Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và Vụ Chính sách thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
1.2	Trình Quốc hội ban hành Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)	2023-2025	Bộ Tài Chính (Vụ Chính sách thuế)	Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
1.3	Trình Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn	2023-2025 (Thời gian ban hành các văn bản phù hợp thời điểm thông qua dự án Luật)	Bộ Tài chính (Vụ Chính sách thuế và Tổng cục Thuế)	Tổng cục Hải quan, Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
2	Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)			

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2.1	Tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt	2022-2023	Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và Vụ Chính sách thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
2.2	Trình Quốc hội ban hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).	2023-2025	Bộ Tài Chính (Vụ Chính sách thuế)	Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
2.3	Trình Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn	2023-2025 (Thời gian ban hành các văn bản phù hợp thời điểm thông qua dự án Luật)	Bộ Tài chính (Vụ Chính sách thuế và Tổng cục Thuế)	Tổng cục Hải quan, Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
3	Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu			
3.1	Tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.	2022-2023	Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và Vụ Chính sách thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
4	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi)			
4.1	Tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	2022-2023	Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế và Vụ Chính sách thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4.2	Trình Quốc hội ban hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi).	2023-2025	Bộ Tài Chính (Vụ Chính sách thuế)	Tổng cục Thuế, Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
4.3	Trình Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn	2023-2025 (Thời gian ban hành các văn bản phù hợp thời điểm thông qua dự án Luật)	Bộ Tài chính (Vụ Chính sách thuế và Tổng cục Thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
5	Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi)			
5.1	Tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân	2022-2023	Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế và Vụ Chính sách thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
5.2	Trình Quốc hội ban hành Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi).	2025	Bộ Tài Chính (Vụ Chính sách thuế)	Tổng cục Thuế, Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
5.3	Trình Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn	2025 (Thời gian ban hành các văn bản phù hợp thời điểm thông qua dự án Luật)	Bộ Tài chính (Vụ Chính sách thuế và Tổng cục Thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6	Luật Thuế tài nguyên (sửa đổi)			
6.1	Tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Thuế tài nguyên	2022-2023	Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế và Vụ Chính sách thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
6.2	Trình Quốc hội ban hành Luật Thuế tài nguyên (sửa đổi).	2025	Bộ Tài Chính (Vụ Chính sách thuế)	Tổng cục Thuế, Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
6.3	Trình Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn	2025 (Thời gian ban hành các văn bản phù hợp thời điểm thông qua dự án Luật)	Bộ Tài chính (Vụ Chính sách thuế và Tổng cục Thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
7	Luật Thuế liên quan đến tài sản (bao gồm cả thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp)			
7.1	Tổng kết, đánh giá thi hành các chính sách thuế liên quan đến tài sản	2022-2023	Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế và Vụ Chính sách thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
7.2	Trình Quốc hội ban hành Luật Thuế liên quan đến tài sản	2023-2025	Bộ Tài Chính (Vụ Chính sách thuế)	Tổng cục Thuế, Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
7.3	Trình Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành văn bản	2025	Bộ Tài chính (Vụ Chính sách thuế và	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	hướng dẫn	(Thời gian ban hành các văn bản phù hợp thời điểm thông qua dự án Luật)	Tổng cục Thuế	liên quan trong và ngoài Bộ
8	Luật Thuế Bảo vệ môi trường (sửa đổi)			
8.1	Tổng kết, đánh giá thi hành Luật Thuế bảo vệ môi trường	2022-2023	Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế và Vụ Chính sách thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
8.2	Trình Quốc hội ban hành Luật Thuế Bảo vệ môi trường (sửa đổi).	2025	Bộ Tài Chính (Vụ Chính sách thuế)	Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
8.3	Trình Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn Luật.	2025 (Thời gian ban hành các văn bản phù hợp thời điểm thông qua dự án Luật)	Bộ Tài chính (Vụ Chính sách thuế và Tổng cục Thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
9	Luật sửa đổi Luật Phí và lệ phí			
9.1	Tổng kết, đánh giá thi hành Luật Phí, lệ phí	2024-2025	Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế và Vụ Chính sách thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
9.2	Trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Phí và lệ phí	2026	Bộ Tài Chính (Vụ Chính sách thuế)	Tổng cục Thuế, Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
9.3	Trình Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn Luật.	2026 (Thời gian ban hành các văn bản phù hợp thời điểm thông qua dự án Luật)	Bộ Tài chính (Vụ Chính sách thuế và Tổng cục Thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
10	Các khoản thu hoặc thuế đối với các hoạt động, hình thức kinh doanh mới			
10.1	Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chuẩn tối thiểu của Diễn đàn BEPS và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của nội luật	2021-2025	Bộ Tài chính (Vụ Chính sách thuế và Tổng cục Thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
10.2	Nghiên cứu, xây dựng các giải pháp/hướng dẫn, quy định về phân bổ lợi nhuận đối với hoạt động kinh doanh mới	2022-2023	Bộ Tài chính (Vụ Chính sách thuế và Tổng cục Thuế)	Vụ Pháp chế, Viện Chiến lược và chính sách tài chính và các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ
II	Về thể chế quản lý thuế			
1	Tiếp tục hoàn thiện Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ Chính sách)	Các Vụ/don vị liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2	Xây dựng, triển khai chương trình nâng cao tuân thủ tổng thể và các kế hoạch cải thiện tuân thủ hàng năm chi tiết cho các chức năng chính kèm theo các tiêu chí đánh giá hoạt động hàng năm.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Ban QLRR)	Các Vụ/dơn vị liên quan trong và ngoài ngành Thuế
3	Hoàn thiện các quy định nhằm áp dụng quản lý rủi ro xuyên suốt có hệ thống trong tất cả các nghiệp vụ quản lý thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Ban QLRR)	Các Vụ/dơn vị liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4	Hoàn thiện pháp luật về chống chuyển giá nhằm ngăn ngừa, hạn chế các hành vi chuyển giá mới, chống xói mòn nguồn thu.	2023	Tổng cục Thuế (Cục TTKTT, Vụ HTQT)	Các Vụ/dơn vị liên quan trong và ngoài ngành Thuế
5	Hoàn thiện thể chế quản lý thuế đảm bảo quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh từ nền kinh tế số, kinh tế chia sẻ, sản xuất thông minh, giao dịch xuyên biên giới.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ CS, Cục TTKTT, Vụ HTQT, Cục thuế DNL, Vụ DNNCN)	Các Vụ/dơn vị liên quan trong và ngoài ngành Thuế
6	Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thực hiện hỗ trợ và cung cấp dịch vụ đầy đủ thông tin cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật thông qua các dịch vụ thuế điện tử.	2022	Tổng cục Thuế (Vụ CS, Vụ KK)	Các Vụ/dơn vị liên quan trong và ngoài ngành Thuế
7	Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về đại lý thuế, ban hành Nghị định hướng dẫn hành nghề đại lý thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TTHT)	Các Vụ/dơn vị liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
8	Xây dựng Thông tư hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế.	2022	Tổng cục Thuế (Vụ KK)	Các Vụ/dơn vị liên quan trong và ngoài ngành Thuế
9	Hoàn thiện thể chế về thu thập dữ liệu tự động trong nội bộ cơ quan thuế và với các bên thứ ba có liên quan (loại dữ liệu, định dạng, bảo mật và an toàn thông tin, chế độ báo cáo, phân quyền).	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK, Cục CNTT)	Các Vụ/dơn vị liên quan trong và ngoài ngành Thuế
10	Tái thiết kế quy trình quản lý thuế nhằm đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, hiệu quả, đồng bộ với thời gian có hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Các Vụ/dơn vị liên quan)	Các Vụ/dơn vị liên quan trong và ngoài ngành Thuế

Phụ lục II

**LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN,
HỖ TRỢ NGƯỜI NỘP THUẾ ĐẾN NĂM 2025**

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Thực hiện các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuế phù hợp với từng nhóm người nộp thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TTHT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2	Xây dựng các chương trình hỗ trợ người nộp thuế phù hợp với nhu cầu tìm hiểu, cung cấp thông tin theo nhóm người nộp thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TTHT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu hỗ trợ người nộp thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TTHT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4	Nâng cấp, vận hành Trang thông tin điện tử ngành Thuế theo hướng thân thiện, thiết thực và hiệu quả; Mở rộng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ trên nền tảng mạng xã hội.	2022-2023	Tổng cục Thuế (Vụ TTHT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
5	Triển khai cơ chế giải quyết thủ tục hành chính thuế một cửa, một cửa liên thông theo phương thức điện tử; Xây dựng, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin để đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính thuế theo phương thức giao dịch điện tử cấp độ 3, 4.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Văn phòng, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
6	Cung cấp dịch vụ hướng dẫn, giải đáp, tra cứu thông tin theo hình thức điện tử cho người nộp thuế; duy trì các hình thức khác để hỗ trợ người nộp thuế đối với các địa bàn, nhóm người nộp thuế có hạn chế về sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TTHT, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
7	Xây dựng bộ tiêu chí và triển khai đánh giá sự hài lòng của người nộp thuế đối với sự phục vụ của cơ quan thuế.	2023-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TTHT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
8	Hoàn thiện các quy định và ứng dụng về quản lý hành nghề đại lý thuế; cung cấp dịch vụ thúc đẩy mạng lưới đại lý thuế phát triển; tăng cường đào tạo, phổ biến chính sách thuế cho đại lý thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TTHT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
9	Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng và triển khai trên ứng dụng đối với hoạt động cập nhật kiến thức cho nhân viên đại lý thuế, chất lượng hành nghề đại lý thuế.	2024-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TTHT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
10	Đào tạo, bồi dưỡng công chức thuế tại chức năng tuyên truyền hỗ trợ để đáp ứng yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TTHT, Trường NVT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

Phụ lục III

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ THUẾ, KHAI THUẾ, NỘP THUẾ, MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ, HOÀN THUẾ, THÔNG KÊ THUẾ VÀ CHẾ ĐỘ KÊ TOÁN THUẾ ĐẾN NĂM 2025

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Đăng ký thuế			
1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách về đăng ký thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN, Vụ CS)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2	Xây dựng quy chế trao đổi thông tin giữa các Bộ, ngành với cơ quan quản lý thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
3	Xây dựng cơ sở pháp lý về liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế đối với hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh.	2023	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN)	Vụ DNNCN và các Vụ đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4	Xây dựng quy chế thực hiện liên thông điện tử với cơ quan đăng ký kinh doanh đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh.	2021-2022	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT)	Vụ DNNCN và các Vụ đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
5	Triển khai, nâng cấp ứng dụng CNTT đáp ứng Quy trình quản lý đăng ký thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Cục CNTT)	Vụ DNNCN và các Vụ đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
6	Hoàn thiện quy trình quản lý đăng ký thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
7	Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy trình để áp dụng quản lý rủi ro rủi ro trong quản lý đăng ký thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN, Ban QLRR)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
II	Khai thuế			
1	Hoàn thiện cơ chế chính sách về khai thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN, Vụ CS)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2	Tiếp tục mở rộng phương thức khai thuế điện tử với tất cả các mẫu hồ sơ khai thuế; đẩy mạnh triển khai dịch vụ thuế điện tử, áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; triển khai các quy định về quản lý khai thuế đối với nền kinh tế số	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT; Vụ DNNCN; Cục CNTT; Cục Thuế DNL)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu khai thuế tập trung, hiện đại, chính xác, kịp thời. Tăng cường kết nối, trao đổi thông tin tự động theo phương thức điện tử với các cơ quan quản lý nhà nước khác và các bên thứ ba.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT; Vụ DNNCN; Cục CNTT; Cục Thuế DNL)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4	Triển khai, nâng cấp ứng dụng CNTT đáp ứng Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và quản lý nghĩa vụ người nộp thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT, Vụ KK&KTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
5	Hoàn thiện quy trình quản lý kê khai thuế.	2021-2023	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
6	Áp dụng quản lý rủi ro trong giải quyết, xử lý hồ sơ khai thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN, Ban QLRR)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
III	Nộp thuế			
1	Hoàn thiện cơ chế chính sách về nộp thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN, Vụ CS)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2	Mở rộng phạm vi đối tượng nộp thuế bằng phương thức điện tử; Triển khai thí điểm hình thức nộp thuế đối với cá nhân qua các thiết bị thông minh.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3	Triển khai, nâng cấp ứng dụng CNTT trong xây dựng, chuẩn hóa thông tin thu nộp NSNN, các khoản phải nộp NSNN, triển khai định danh khoản phải nộp.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4	Hoàn thiện quy trình quản lý thu, nộp ngân sách nhà nước.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
IV	Hoàn thuế			
1	Hoàn thiện cơ chế chính sách về hoàn thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ CS, Vụ DNNCN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu về hoàn thuế của cơ quan thuế. Mở rộng kết nối thông tin với các bên liên quan.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
3	Triển khai kết nối, nâng cấp ứng dụng CNTT đáp ứng thực hiện hoàn thuế bằng phương thức điện tử.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Xây dựng quy trình giải quyết hoàn thuế tự động, hoàn thuế nộp thừa thực hiện hoàn toàn trên ứng dụng quản lý thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, vụ DNNCN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
5	Hoàn thiện bộ chỉ số, tiêu chí áp dụng quản lý rủi ro trong giải quyết hồ sơ hoàn thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Ban QLRR)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
V	Miễn thuế, giảm thuế			
1	Hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến hồ sơ miễn giảm thuế và giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ Chính sách, KK&KTT, Vụ DNNCN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu về miễn giảm thuế làm cơ sở, căn cứ để tính và thông báo số tiền miễn giảm thuế; ban hành quyết định miễn giảm thuế theo quy định.	2022-2024	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3	Triển khai kết nối, nâng cấp ứng dụng CNTT đáp ứng thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ miễn giảm thuế bằng điện tử.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Cục CNTT, Vụ DNNCN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4	Sửa đổi, bổ sung quy trình miễn thuế, giảm thuế.	2022-2023	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
5	Xây dựng tiêu chí để đánh giá rủi ro trong giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế.	2024-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Vụ DNNCN, Ban QLRR)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
VI	Kế toán thuế			
I	Xây dựng và ban hành Thông tư hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế.	2021	Tổng cục Thuế	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
			(Vụ KK&KTT)	
2	Xây dựng quy trình kế toán thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3	Triển khai nâng cấp ứng dụng CNTT	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Cục CNT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4	Kiện toàn bộ máy kế toán thuế, đào tạo kế toán thuế tại các cơ quan thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB; Vụ KK&KTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
VII	Thông kê thuế			
1	Xây dựng văn bản quy định thực hiện Thông kê nhà nước về thuế.	2023	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2	Xây dựng quy định về Hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê thuế, bảng phân loại thống kê, điều tra thống kê.	2022	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3	Xây dựng cơ chế công bố và phổ biến thông tin thống kê thuế.	2024-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4	Xây dựng Quy chế trao đổi thông tin, phối hợp công tác giữa cơ quan thuế với Tổng cục Thống kê.	2021-2024	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
5	Triển khai kết nối, nâng cấp ứng dụng CNTT	2023-2025	Tổng cục Thuế (Vụ KK&KTT, Cục CNT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

Phụ lục IV

**LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA
NGƯỜI NỘP THUẾ ĐẾN NĂM 2025**

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng và hoàn thiện thể chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra theo hướng áp dụng quản lý rủi ro trong các khâu thanh tra, kiểm tra thuế			
1.1	Xây dựng nội dung hướng dẫn Luật quản lý thuế về lĩnh vực thanh tra, kiểm tra thuế.	2021	Tổng cục Thuế (Cục TTKT, Vụ CS)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
1.2	Hoàn thiện bộ chỉ số tiêu chí phân tích rủi ro lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở NNT; Hoàn thiện và xây dựng bộ tiêu chí kiểm tra tờ khai thuế GTGT, TNDN, TTĐB tại trụ sở cơ quan thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKT, Ban QLRR)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
1.3	Hoàn thiện quy chế giám sát đoàn thanh tra, kiểm tra thuế; quy trình ghi nhận ký đoàn thanh tra, kiểm tra thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKT)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
1.4	Hoàn thiện quy trình thanh tra thuế; Quy trình kiểm tra thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKT)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
1.5	Phối hợp xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các ngành có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKT)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2	Hiện đại hóa công tác thanh tra, kiểm tra thuế theo hướng áp dụng công nghệ thông tin			

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2.1	Nghiên cứu xây dựng ứng dụng thống kê, lưu trữ hồ sơ thanh tra, kiểm tra thuế trên kho dữ liệu ngành Thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKT, Cục CNTT)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2.2	Xây dựng mới và nâng cấp các ứng dụng kiểm tra tự động hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế.	2021-2024	Tổng cục Thuế (Cục TTKT, Cục CNTT)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2.3	Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xây dựng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên máy tính.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKT, Cục CNTT, Ban QLRR)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3	Tăng cường đổi mới loại hình, phương pháp và kỹ thuật thanh tra, kiểm tra thuế theo rủi ro phù hợp với đặc điểm của từng nhóm người nộp thuế			
3.1	Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế theo rủi ro.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKT)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3.2	Tăng cường thanh tra giá chuyển nhượng; đẩy mạnh kiểm tra tại cơ quan thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKT)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3.3	Phát triển các chương trình thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề (hoàn thuế GTGT, giao dịch liên kết, chuyên đề theo lĩnh vực, ngành nghề có rủi ro cao).	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKT)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Nghiên cứu, đề xuất kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ thanh tra, kiểm tra thuế			
4.1	Kiện toàn hệ thống tổ chức thanh tra, kiểm tra thuế tại Tổng cục Thuế.	2021	Tổng cục Thuế (Cục TTKT, Vụ TCCB)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4.2	Tăng cường và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thanh tra, kiểm tra thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKT, Vụ TCCB)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4.3	Hoàn thiện, sửa đổi bổ sung giáo trình, tài liệu về thanh tra kiểm tra thuế và triển khai đào tạo kỹ năng thanh tra, kiểm tra cơ bản; kỹ năng nâng cao và chuyên sâu; thuế quốc tế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKT, Trường NVT)	Các vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế



Phụ lục V

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TÓCÁO VÀ TỐ TỤNG VỀ THUẾ ĐẾN NĂM 2025

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.	Về thể chế			
1.1	Xây dựng Quy chế kiểm tra văn bản nhằm tăng cường công tác hậu kiểm đối với văn bản về thuế.	2021	Tổng cục Thuế (Vụ PC)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
1.2	Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện, triển khai Quy chế tham vấn đối với công tác giải quyết khiếu nại về thuế; Quy chế kiểm tra công vụ và xử lý trách nhiệm đối với công chức, viên chức.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục KTNB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
1.3	Rà soát và hoàn thiện Quy chế, Quy trình giải quyết khiếu nại; Quy chế, Quy trình giải quyết tố cáo; Quy chế, Quy trình Kiểm tra nội bộ bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.	2023	Tổng cục Thuế (Cục KTNB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
1.4	Sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí áp dụng quản lý rủi ro trong xây dựng kế hoạch Kiểm tra nội bộ.	2024	Tổng cục Thuế (Cục KTNB, Ban QLRR)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
1.5	Xây dựng Quy trình về việc tiếp nhận đơn khiếu nại bằng phương thức điện tử tại cơ quan thuế các cấp.	2024	Tổng cục Thuế (Cục KTNB, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
1.6	Xây dựng Quy trình kiểm tra nội bộ bằng ứng dụng	2023-2025	Tổng cục Thuế	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	công nghệ thông tin đối với các nghiệp vụ quản lý thuế chủ yếu (công tác thanh tra, kiểm tra thuế; công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; công tác hoàn thuế...).		(Cục KTNB)	và ngoài ngành Thuế
2.	Về ứng dụng công nghệ thông tin			
2.1	Nghiên cứu, xây dựng một số ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công tác kiểm tra văn bản, theo dõi, báo cáo công tác xử phạt vi phạm hành chính về thuế, tố tụng hành chính về thuế và công tác bồi thường Nhà nước.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ PC, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2.2	Nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ cho việc quản lý, chỉ đạo, giám sát công tác kiểm tra nội bộ, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng trong toàn ngành.	2023	Tổng cục Thuế (Cục KTNB, CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2.3	Xây dựng ứng dụng kiểm tra nội bộ đối với các nghiệp vụ quản lý thuế chủ yếu (công tác thanh tra, kiểm tra thuế; công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; công tác hoàn thuế...).	2025	Tổng cục Thuế (Cục KTNB, CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2.4	Xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận đơn khiếu nại bằng phương thức điện tử tại cơ quan thuế các cấp.	2025	Tổng cục Thuế (Cục KTNB, CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2.5	Hoàn thiện và nâng cấp ứng dụng kiểm tra nội bộ để áp dụng quản lý rủi ro trong xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm.	2025	Tổng cục Thuế (Cục KTNB, CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2.6	Hoàn thiện ứng dụng công khai các bước giải quyết khiếu nại trên cổng thông tin điện tử ngành Thuế.	2025	Tổng cục Thuế (Cục KTNB, CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
3	Kiện toàn tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực bộ phận giải quyết khiếu nại, tố cáo, tố tụng về thuế			
3.1	Thành lập Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.	2021	Tổng cục Thuế (Cục KTNB, Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
3.2	Xây dựng tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về công tác pháp chế.	2021-2022	Tổng cục Thuế (Vụ PC)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
3.3	Thực hiện đào tạo cho công chức làm công tác pháp chế về công tác pháp chế, tập trung công tác tham mưu tố tụng về thuế, thẩm định văn bản; công chức làm công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng trong toàn ngành; công tác giám định tư pháp về thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ PC, Cục KTNB, Cục TTKT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
3.4	Kiến nghị xử lý nghiêm các công chức, viên chức có hành vi tham nhũng và xem xét trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong đơn vị.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục KTNB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4	Nâng cao tính hiệu quả và hiệu lực trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và tố tụng về thuế			
4.1	Tổ chức đối thoại bằng hình thức họp trực tuyến trong quá trình giải quyết khiếu nại trong trường hợp cần thiết.	2021	Tổng cục Thuế (Cục KTNB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4.2	Xây dựng và hoàn thiện kỹ năng kiểm tra nội bộ trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế tập trung của toàn ngành.	2025	Tổng cục Thuế (Cục KTNB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4.3	Xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác kiểm soát tài sản thu nhập hàng năm tại các đơn vị, tổ chức tại cơ quan thuế các cấp.	2021- 2025	Tổng cục Thuế (Cục KTNB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4.4	Thực hiện tổ chức công tác giám định tư pháp về thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4.5	Thực hiện công tác tham gia tố tụng hành chính, kiểm tra văn bản, theo dõi thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, bồi thường nhà nước với sự hỗ trợ của ứng dụng công nghệ thông tin.	2024	Tổng cục Thuế (Vụ PC)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4.6	Cập nhật thông tin kịp thời lên công thông tin điện tử ngành Thuế để công khai các bước giải quyết khiếu nại về thuế theo đúng quy định.	2021- 2025	Tổng cục Thuế (Cục KTNB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4.7	Triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng trong ngành Thuế.	2021- 2025	Tổng cục Thuế (Cục KTNB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4.8	Tăng cường triển khai thực hiện công tác kiểm soát nội ngành.	2021- 2025	Tổng cục Thuế (Cục KTNB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4.9	Tiếp thu các ý kiến phản hồi của các bên có liên quan để xây dựng chiến lược và đề xuất các giải pháp chống tham nhũng trong toàn ngành Thuế.	2021- 2025	Tổng cục Thuế (Cục KTNB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

PHỤ LỤC VI

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÔNG TÁC QUẢN LÝ NỢ VÀ CƯỜNG CHẾ NỢ THUẾ ĐẾN NĂM 2025

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Hoàn thiện quy trình quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.	2021-2022	Tổng cục Thuế (Vụ QLN)	Các Vụ, đơn vị liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2	Nghiên cứu, triển khai áp dụng các biện pháp theo dõi, xử lý số nợ thuế của nhóm người nộp thuế lớn.	2022-2023	Tổng cục Thuế (Cục DNL)	Các Vụ, đơn vị liên quan trong và ngoài ngành Thuế
3	Nghiên cứu soạn thảo bộ cảm nang đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế theo hướng áp dụng thực tế và chuyên sâu.	2023	Tổng cục Thuế (Vụ QLN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4	Xây dựng quy chế phối hợp giữa các ngành Thuế, Hải quan, Kho bạc nhà nước.	2024	Tổng cục Thuế (Vụ QLN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
5	Nghiên cứu việc áp dụng các phương pháp thu nợ khác nhau tùy theo tính chất của khoản nợ, tình hình thực tế của người nộp thuế; phân tích sâu về nợ thuế nhằm xác định các khoản nợ có thể và không thể thu hồi (theo tuổi nợ, loại nợ, địa bàn và mức độ phức tạp).	2025	Tổng cục Thuế (Vụ QLN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6	Nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ QLN, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
7	Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng, kiến thức cho đội ngũ công chức làm công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB; Trường NVT; Vụ QLN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
8	Nghiên cứu, khảo sát trong nước, quốc tế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ QLN, Vụ HTQT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

Phụ lục VII

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CẢI CÁCH CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ QUỐC TẾ ĐẾN NĂM 2025

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng thể chế chính sách quản lý thuế quốc tế đồng bộ			
1.1	Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện quy định chống trốn thuế quốc tế, chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận để đảm bảo thực hiện các cam kết quốc tế của các Diễn đàn.	2021-2023	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
1.2	Nghiên cứu đề xuất phương án tham gia của Việt Nam đối với: Hiệp định đa phương về việc phân chia quyền đánh thuế đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và dịch vụ kinh tế kỹ thuật số (Hiệp định MLC-Trụ cột 1) và Hiệp định đa phương về thu nhập từ lãi tiền vay, tiền bản quyền, tiền lãi cổ tức chịu thuế dưới mức thuế suất tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2).	2023-2024	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
1.3	Nghiên cứu và đề xuất việc ban hành các quy định nội luật về việc áp dụng các quy tắc thuế suất tối thiểu toàn cầu của Diễn đàn BEPS (Trụ cột 2).	2023-2025	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
1.4	Nghiên cứu và ban hành các hướng dẫn thực hiện các cam kết quốc tế, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết và tham gia.	2022	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.5	Rà soát hệ thống hiệp định hiện hành, sửa đổi Bộ nguyên tắc đàm phán và mẫu hiệp định thuế phù hợp với từng đối tác mà Việt Nam tham gia ký kết hiệp định thuế.	2021-2023	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
1.6	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế quản lý, giám sát đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử và dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới phù hợp thông lệ quốc tế.	2024	Tổng cục Thuế (Vụ DNNCN, Cục Thuế DNL)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
1.7	Hoàn thiện khung pháp lý để tiến hành trao đổi thông tin tự động với cơ quan thuế nước ngoài.	2024	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT, Vụ DNNCN, Cục Thuế DNL, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2	Xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế và sổ tay phục vụ trong công tác quản lý thuế quốc tế			
2.1	Xây dựng và ban hành quy trình xử lý hồ sơ miễn giảm thuế theo hiệp định thuế thông nhất trong phạm vi cả nước.	2022	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2.2	Xây dựng quy trình và hướng dẫn thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương giữa người nộp thuế, cơ quan thuế Việt Nam và cơ quan thuế nước ngoài.	2022	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2.3	Xây dựng quy trình, quy chế hỗ trợ thu thuế nhằm đảm bảo thực hiện quy định về hỗ trợ thu thuế theo Hiệp định thuế và Hiệp định hỗ trợ hành chính thuế (MAAC).	2022-2023	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2.4	Xây dựng sô tay thanh tra giá chuyển nhượng.	2025	Tổng cục Thuế (Cục TTKTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3	Nâng cao năng lực quản lý thuế quốc tế			
3.1	Nghiên cứu xây dựng, triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu về người nộp thuế nước ngoài từ các nguồn thu thập và trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài.	2024-2025	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3.2	Quản lý thuế quốc tế trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.	2024-2025	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT, Ban QLRR)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3.3	Thực hiện thanh tra giá chuyển nhượng, thanh tra kiểm tra hoạt động thương mại điện tử và chống trốn thuế, tránh thuế, kiểm tra giám sát hỗ trợ việc áp dụng Hiệp định thuế, thủ tục thỏa thuận song phương (MAP), trao đổi thông tin.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT, Cục TTKT, Vụ QLT DNNCN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Hoàn thiện và phát triển hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế quốc tế			
4.1	Xây dựng ứng dụng quản lý thực hiện xử lý hồ sơ miễn giảm thuế theo hiệp định thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4.2	Xây dựng ứng dụng quản lý thực hiện trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài, trên cơ sở đó thực hiện xử lý thông tin, dữ liệu, phân tích rủi ro phát hiện và ngăn ngừa trốn, tránh thuế.	2024-2025	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT, Ban QLRR, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4.3	Xây dựng ứng dụng quản lý thực hiện xử lý hồ sơ thủ tục thỏa thuận song phương giữa người nộp thuế, cơ quan thuế Việt Nam và cơ quan thuế nước ngoài.	2023-2024	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT, Cục CNTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4.4	Nâng cao năng lực, trình độ công chức trong việc sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế quốc tế.	2023-2025	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT, Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4.5	Xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử và dịch vụ kỹ thuật số xuyên biên giới, xác định giá chuyển nhượng.	2024	Tổng cục Thuế (Cục CNTT, Vụ DNNCN, Cục Thuế DNL)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
5	Tổ chức bộ máy quản lý thuế quốc tế hiệu lực, hiệu quả phù hợp với thông lệ quốc tế và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý thuế quốc tế			
5.1	Triển khai nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức quản lý thuế quốc tế ở cấp Tổng cục Thuế và cấp Cục Thuế phù hợp với thông lệ quốc tế.	2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB, Vụ HTQT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
5.2	Xây dựng đội ngũ công chức quản lý thuế quốc tế theo hướng dài hạn, chuyên sâu để đảm bảo xử lý được các công việc thuế quốc tế đòi hỏi trình độ và kỹ năng cao.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT, Trường NVT, Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
5.3	Xây dựng tiêu chuẩn công chức quản lý thuế quốc tế phục vụ trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành.	2023-2024	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT, Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
5.4	Xây dựng và triển khai chương trình bồi dưỡng thuế quốc tế cơ bản và nâng cao cho công chức thuế.	2021-2023	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT, Trường NVT, Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
5.5	Xây dựng chương trình đào tạo nhằm hình hành đội ngũ công chức thuế quốc tế có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu, kỹ năng quản lý thuế quốc tế, kỹ năng đàm phán Hiệp định, thủ tục thỏa thuận song phương đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu công việc.	2022	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT, Trường NVT, Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
5.6	Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu quản lý thuế đối với các giao dịch thuế quốc tế, bắt kịp những xu hướng quốc tế mới về chính sách và quản lý thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT, Trường NVT, Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
6	Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý thuế quốc tế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

Uỷ

Phụ lục VIII

**LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ PHÁT TRIỂN
NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH THUẾ ĐẾN NĂM 2025**

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Hoàn thiện tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp theo mô hình quản lý thuế theo chức năng kết hợp với quản lý thuế theo đối tượng, trong đó các đơn vị quản lý theo chức năng có tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý theo các nhóm đối tượng.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB)	Cục Thuế, Chi cục Thuế các Tỉnh, Thành phố và các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2	Thành lập Cục thuế doanh nghiệp lớn; Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng; Cục Thanh tra, kiểm tra thuế.	2021	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3	Nghiên cứu xây dựng chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của bộ phận thực hiện chế độ kê toán thuế nội địa tại cơ quan thuế các cấp. Kiện toàn bộ phận quản lý kê khai thuế phù hợp với định hướng phát triển của ngành Thuế.	2021-2022	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB, Vụ KK&KKT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
4	Nghiên cứu thành lập bộ phận xây dựng, thu thập, xử lý thông tin tích hợp người nộp thuế tại Tổng cục Thuế.	2023-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
5	Kiện toàn bộ phận quản trị chiến lược và quản lý rủi ro về thuế thuộc Tổng cục Thuế.	2023-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6	Tiếp tục kiện toàn bộ phận quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhỏ, vừa, hộ kinh doanh và cá nhân tại cơ quan thuế các cấp.	2022	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB, Vụ DNNCN)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
7	Nghiên cứu xây dựng bản mô tả công việc ở từng vị trí việc làm theo từng chức năng quản lý thuế và tại một số bộ phận được kiện toàn.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
8	Triển khai công tác tuyển dụng công chức hàng năm.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB)	Cục Thuế, Chi cục Thuế các Tỉnh, Thành phố và các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
9	Điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực cho phù hợp với yêu cầu quản lý thuế theo hướng tập trung nguồn lực cho bộ phận trực tiếp quản lý thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
10	Tổ chức thực hiện công tác luân phiên, luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác trong toàn ngành Thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
11	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản theo từng chức năng quản lý; bồi dưỡng chuyên sâu phù hợp yêu cầu bồi dưỡng theo vị trí công việc/ngành/lĩnh vực quản lý cho công chức làm việc tại 4 chức năng quản lý thuế chính, công chức thuế làm việc tại một số vị trí công tác đặc thù.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB, TNV)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
12	Xây dựng kế hoạch đào tạo, tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm theo quy định.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB, TNV)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
13	Tập trung đào tạo một số chuyên gia quản lý thuế hiện đại theo nhóm ngành kinh tế để hỗ trợ triển khai các quy trình nghiệp vụ mới cũng như triển khai các dịch vụ điện tử và hướng tới tự động hóa công tác quản lý.	2024	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB, TNV)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
14	Xây dựng lực lượng giảng viên chuyên nghiệp và giảng viên kiêm chức của ngành đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng của ngành.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB, TNV)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
15	Ban hành Bộ quy tắc về đạo đức công vụ của công chức ngành Thuế.	2022	Tổng cục Thuế (Vụ TCCB, Cục KTNB)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

Phụ lục IX

**LỘ TRÌNH THỰC HIỆN HIỆN ĐẠI HÓA HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ ĐẾN NĂM 2025**

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Phát triển hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế, công chức thuế, các đối tác của ngành Thuế			
1.1	Duy trì, nâng cấp, mở rộng các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực thuế đáp ứng quy định của Luật Quản lý thuế, các nội dung sửa đổi, bổ sung chính sách, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế và tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
1.2	Phát triển, nâng cấp kiến trúc hệ thống Công thông tin điện tử ngành Thuế để cung cấp các dịch vụ thuế điện tử cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
1.3	Xây dựng hệ thống một cửa điện tử tích hợp cung cấp cho NNT đầy đủ các thông tin về chính sách thuế, quy định pháp luật thuế có liên quan và hỗ trợ NNT thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
1.4	Xây dựng hệ thống phần mềm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung và trao đổi thông tin với các đơn vị bên ngoài nhằm tập trung, chuẩn hóa, xử lý, lưu trữ dữ liệu dưới dạng điện tử, ứng dụng các công nghệ mới trong việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ NNT, công chức thuế và các đối tác ngành Thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.5	Hoàn thiện các hệ thống giám sát CNTT tập trung toàn ngành Thuế đối với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng cung cấp dịch vụ; áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị, vận hành, hỗ trợ hệ thống ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ nhanh chóng, hiệu quả.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2	Xây dựng và triển khai hệ thống ứng dụng quản lý thuế và hỗ trợ công tác quản lý thuế			
2.1	Duy trì, nâng cấp, mở rộng các phần mềm ứng dụng quản lý thuế đáp ứng các yêu cầu sửa đổi, bổ sung chính sách, nghiệp vụ thuế và thay đổi về yêu cầu kỹ thuật theo từng năm.	2022-2024	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2.2	Xây dựng phần mềm Quản lý thuế tích hợp, tập trung đáp ứng tái thiết kế quy trình nghiệp vụ trên nền tảng kiến trúc hiện đại, ứng dụng công nghệ mới về trí tuệ nhân tạo, vạn vật kết nối, dữ liệu lớn.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2.3	Xây dựng và triển khai phần mềm ứng dụng quản lý hóa đơn điện tử tại cơ quan thuế; mở rộng xây dựng hệ thống Công kết nối tiếp nhận dữ liệu hóa đơn điện tử trong trường hợp người bán đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền; cung cấp các chức năng hỗ trợ cơ quan thuế trong công tác điều tra, đối chiếu doanh thu, xác định số thuế phải nộp của các tổ chức/cá nhân kinh doanh.	2022-2023	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2.4	Phát triển hệ thống ứng dụng phân tích dữ liệu và quản lý rủi ro đáp ứng yêu cầu quản lý thuế theo phương pháp ứng dụng công nghệ mới.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT, Ban QLRR)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2.5	Xây dựng kho cơ sở dữ liệu quốc gia về thuế trên nền tảng tích hợp và nền tảng dữ liệu lớn để cung cấp thông tin đầy đủ cho việc chỉ đạo điều hành, kết nối trao đổi thông tin phục vụ công tác quản lý thuế và quản lý tuân thủ.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT, Ban QLRR)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
3	Xây dựng và triển khai hệ thống ứng dụng CNTT phục vụ quản lý nội ngành			
3.1	Duy trì, nâng cấp, mở rộng các phần mềm ứng dụng quản lý nội ngành đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ mới và các thay đổi về kỹ thuật, công nghệ nhằm hỗ trợ công tác quản lý thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
3.2	Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý văn phòng điện tử đáp ứng quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, trao đổi văn bản điện tử giữa cơ quan thuế với các cơ quan nhà nước thông qua trực văn bản quốc gia theo định hướng phát triển văn phòng không giấy tờ.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
3.3	Xây dựng hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử của cơ quan thuế nhằm cung cấp các dịch vụ khai thác, tra cứu và tạo lập các dữ liệu điện tử dùng chung trong các dịch vụ khai thác dữ liệu của cơ quan thuế.	2022-2023	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4	Xây dựng và triển khai hệ thống ứng dụng CNTT tích hợp chia sẻ dữ liệu			
4.1	Duy trì, nâng cấp, mở rộng ứng dụng kết nối, trao đổi thông tin với các đơn vị, tổ chức bên ngoài đáp ứng các bổ sung sửa đổi chính sách thuế và thay đổi về yêu cầu kỹ thuật, công nghệ.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4.2	Xây dựng hệ thống kết nối trao đổi dữ liệu từ các bộ, ngành, ngân hàng và các tổ chức liên quan để phục vụ công tác quản lý thuế và hỗ trợ NNT.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
5	Xây dựng nền tảng dữ liệu phục vụ nghiệp vụ quản lý thuế và các dịch vụ thuế số cung cấp cho người dùng			
5.1	Xây dựng và triển khai hệ thống nền tảng quản trị dữ liệu hiện đại hỗ trợ quản lý dữ liệu lớn, dữ liệu chủ, siêu dữ liệu, dữ liệu tham chiếu, dữ liệu giao dịch.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
5.2	Thu thập, đánh giá, phân loại, lưu trữ đầy đủ, toàn vẹn dữ liệu phát sinh theo các giao dịch xử lý của cán bộ quản trị dữ liệu tuân thủ các quy định về kiến trúc dữ liệu, thành phần dữ liệu và các quy định về an toàn, bảo mật dữ liệu; Cung cấp các dịch vụ khai thác, trích lọc, tổng hợp dữ liệu cho cán bộ quản trị dữ liệu theo quy định về bảo mật, phân quyền sử dụng dữ liệu.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
5.3	Trang bị và triển khai hạ tầng kỹ thuật cho nền tảng quản trị dữ liệu hiện đại; Triển khai các biện pháp bảo vệ dữ liệu, ngăn ngừa thất thoát dữ liệu và các biện pháp bảo mật dữ liệu như mã hóa dữ liệu, biến đổi dữ liệu, trộn dữ liệu,... nhằm đảm bảo tính toàn vẹn, bảo mật dữ liệu; Trang bị các hệ thống tăng cường môi trường làm việc cho công chức thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
5.4	Xây dựng và triển khai các dịch vụ cung cấp dữ liệu đáp ứng yêu cầu xử lý, khai thác, chia sẻ, phân tích dữ liệu.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
5.6	Triển khai hệ thống quản trị tập trung các dịch vụ cung cấp dữ liệu đáp ứng yêu cầu về phân quyền sử dụng, giám sát, truy vết việc truy cập, khai thác dữ liệu.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
5.7	Tổ chức dữ liệu theo hướng tối ưu hoá để cung cấp các dịch vụ khai thác dữ liệu trên cơ sở tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn và nhiều loại dữ liệu khác nhau (có cấu trúc, phi cấu trúc,...); Lưu trữ đầy đủ, toàn vẹn dữ liệu phát sinh theo các giao dịch xử lý tuân thủ các quy định về kiến trúc dữ liệu, thành phần dữ liệu và các quy định về an toàn, bảo mật dữ liệu; Cung cấp các dịch vụ khai thác, trích lọc, tổng hợp dữ liệu cho các hệ thống ứng dụng khác theo quy định về bảo mật, phân quyền sử dụng dữ liệu.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
5.8	Trang bị và triển khai hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu triển khai các dịch vụ dữ liệu hỗ trợ công tác quản lý thuế và các hệ thống phần mềm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết hợp với các biện pháp đảm bảo tính toàn vẹn, bảo mật dữ liệu, tránh thất thoát dữ liệu.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
6	Triển khai hạ tầng kỹ thuật đảm bảo an toàn an ninh cho hệ thống CNTT ngành Thuế			
6.1	Duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng dùng chung của các hệ thống CNTT, trang thiết bị CNTT phục vụ kết nối, xử lý tại địa phương và trang thiết bị cá nhân để đảm bảo hoạt động liên tục, ổn định đáp ứng yêu cầu cung cấp các dịch vụ thuế điện tử cho người nộp thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6.2	Chuyển đổi và triển khai hạ tầng kỹ thuật CNTT ngành Thuế hoạt động trên nền điện toán đám mây theo hướng cung cấp dịch vụ mức độ nền tảng. Phát triển hạ tầng internet vạn vật (IoT) và các công nghệ số mới trong xây dựng các ứng dụng, dịch vụ phục vụ công tác quản lý thuế.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
6.3	Trang bị thiết bị CNTT dành cho công chức thuế. Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa cho cơ quan thuế. Trang bị các hệ thống tăng cường môi trường cộng tác làm việc cho công chức thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
6.4	Triển khai mở rộng kênh truyền kết nối với các đơn vị bên ngoài, các tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trong lĩnh vực thuế (TVAN), phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu ngành Thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
6.5	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng các công nghệ mạng (5G/6G) trong việc cung cấp các dịch vụ trên nền tảng ứng dụng di động. Nâng cấp, mở rộng băng thông kết nối internet đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của cán bộ công chức, đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công qua mạng internet, tăng cường khả năng sẵn sàng và làm kinh dự phòng cho các kết nối chia sẻ dữ liệu, cung cấp dịch vụ cho các bên thứ ba.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
6.6	Triển khai Trung tâm dữ liệu chính và Trung tâm dữ liệu dự phòng của ngành Thuế theo hướng cung cấp hạ tầng trung tâm dữ liệu như một dịch vụ.	2022-2024	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6.7	Duy trì hệ thống an toàn thông tin phục vụ triển khai các ứng dụng hiện có của ngành Thuế. Nâng cấp hệ thống, triển khai các giải pháp an toàn thông tin thông minh có ứng dụng công nghệ mới.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
6.8	Xây dựng hệ thống an toàn thông tin theo hướng bảo vệ dữ liệu nhà nước và bảo vệ dữ liệu của người dùng thông qua sử dụng định danh số để bảo đảm xác định đúng người truy cập dữ liệu.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
6.9	Triển khai hệ thống an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp tại Tổng cục Thuế. Giám sát 24/7 an toàn thông tin mạng cho các hệ thống quan trọng của Tổng cục Thuế, kiểm tra đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho các hệ thống thông tin.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Cục CNTT)	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

Phụ lục X

**LỘ TRÌNH THỰC HIỆN HIỆN ĐẠI HOÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, HÀNH CHÍNH VÀ TÀI CHÍNH
ĐẾN NĂM 2025**

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Đầu tư xây dựng			
1.1	Tiếp tục hoàn thành 86 dự án đang thực hiện dở dang trong giai đoạn 2016-2020 gồm 32 dự án trong kế hoạch chuẩn bị đầu tư năm 2020, 19 dự án trong kế hoạch dự kiến hoàn thành năm 2020 và 35 dự án trong kế hoạch dự kiến hoàn thành năm 2021 và các năm tiếp theo (07 Cục Thuế và 79 Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực).	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
1.2	Khởi công xây dựng các dự án được Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở hệ thống Thuế và trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện đầu tư xây dựng mới 01 kho lưu trữ chuyên dụng ngành Thuế, xây dựng mới 55 dự án và 73 dự án cải tạo mở rộng (01 Cục Thuế và 127 Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực). Phấn đấu đưa vào sử dụng 90% số lượng dự án dự kiến khởi công trong giai đoạn 2021-2025.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
1.3	Tiếp tục triển khai và hoàn thành thẩm tra phê duyệt quyết toán 100% các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

2	Mua sắm tài sản			
2.1	Kịp thời thực hiện sắp xếp, xử lý trụ sở làm việc theo tiến độ hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc, kế hoạch sắp xếp cơ cấu tổ chức đảm bảo việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc hiệu quả, đúng quy định.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2.2	Phản ánh hoàn thành 100% kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất của các Chi cục Thuế thực hiện sáp nhập, hợp nhất theo Quyết định số 520/QĐ-BTC ngày 13/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đảm bảo quy định, phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng của các đơn vị.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2.3	Hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của hệ thống Thuế theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ để đề xuất phương án mua sắm, sắp xếp, xử lý xe ô tô đảm bảo quy định.	2021	Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2.4	Hoàn thành trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Quyết định số 1488/QĐ-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đảm bảo cơ sở, căn cứ cho các đơn vị thực hiện sắp xếp, mua sắm, trang bị tài sản.	2021	Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
2.5	Phản ánh hoàn thành 100% kế hoạch, mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về mua sắm/mua sắm thay thế xe ô tô theo quy định đảm bảo việc quản lý, sử dụng xe ô tô an toàn, hiệu quả, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế

2.6	Phản ánh hoàn thành 100% kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về mua sắm/mua sắm thay thế phương tiện, trang thiết bị làm việc đảm bảo quy định, phù hợp tiêu chuẩn, định mức, trong đó, tập trung trang bị theo hướng hiện đại, đồng bộ, hỗ trợ tối đa công tác nghiệp vụ theo lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm của ngành Thuế giai đoạn 2021-2030.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
3 Cơ chế quản lý tài chính				
3.1	Kéo dài thời hạn áp dụng cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương.	2021	Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
3.2	Xây dựng cơ chế quản lý tài chính gắn với cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức.	2023-2025	Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4 Hiện đại hóa công tác văn phòng				
4.1	Chuẩn hóa các quy chế, quy trình theo hướng hiện đại hóa.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Văn phòng)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế
4.2	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Văn phòng)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành Thuế



Phụ lục XI

**LỘ TRÌNH THỰC HIỆN HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG TÁC DỰ BÁO THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
ĐẾN NĂM 2025**

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Nghiên cứu lý thuyết và lựa chọn một số mô hình dự báo thu NSNN phù hợp với một số đặc điểm thuế chủ yếu.	2024-2025	Tổng cục Thuế (Vụ DTTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
2	Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện kho cơ sở dữ liệu phục vụ công tác phân tích, dự báo, lập dự toán thu NSNN.	2021-2025	Tổng cục Thuế (Vụ DTTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế
3	Hoàn thiện các mô hình sẵn có và tiếp tục xây dựng các mô hình dự báo thu phù hợp với cơ sở dữ liệu hiện có của ngành Thuế.	2022-2025	Tổng cục Thuế (Vụ DTTT)	Các Vụ, đơn vị có liên quan trong ngành Thuế

